Chương Trình Cải Tiến Chuyển Vận
Khu Vực Thành Thị Hóa New Orleans

Tài Khóa 2009-12

Hội Đồng Hoạch Định Vùng
1340 Poydras Street, Suite 2100
New Orleans, Louisiana 70112

504-568-6611 (điện thoại)
504-568-6643 (fax)

email: rpc@norpc.org
Địa chỉ mạng: www.norpc.org

Ngày 13 tháng Giêng, 2009

Mục lục

Trang

BẢN ĐỐI CHIẾU NHỮNG CHỮ TẮT ANH NGỮ VỀ CHUYỂN VẬN 1
Hồ sơ Chấp thuận 3
Lời Giới thiệu và Tiến trình Phát triển Chương trình TIP 4
Bản đồ của Khu vực Tổ chức Hoạch địnhThành phố (MPO) 13
Những Đề án được Chấp thuận để Xây cất 14
Ủy ban Cố vấn Kỹ thuật (TAC) 18
Bản Đồng Chứng thực Tiến trình Hoạch định Thành phố 25
Chú giải những Từ ngữ 26

Những Đề án Xa lộ
Những Đề Án ARRA Tài khóa-09 – Tài khóa-10 27
Tài khóa-09 (10/1/08 - 9/30/09) 28
Tài khóa-10 (10/1/09 - 9/30/10) 36
Tài khóa-11 (10/1/10 - 9/30/11) 41
Tài khóa-12 (10/1/11 – 9/30/12) 44
Tài khóa-13 – Tài khóa-18 (với mục đích Thông tin mà thôi) 46
Những Đề án Nâng cấp Vận chuyển được chấp thuận 53

Những Đề án Giao thông
Tài Khóa-09 55
Tài Khóa-09 Những Đề Án Kích thích 57
Tài Khóa-10 58
Tài Khóa-11 60
Tài Khóa-12 61

Những Đề án cho Đường bị Ngập 63

BẢN ĐỐI CHIẾU NHỮNG CHỮ TẮT ANH NGỮ VỀ CHUYỂN VẬN

Chữ Tắt Anh Ngữ	Giải Thích Anh Ngữ	Chữ Tương Đương Việt Ngữ
AC	Asphalt Concrete	Nhựa đường bê tong
ACQ	Acquisition	Sự thu giành
ARRA	American Recovery and Reinvestment Act	Đạo luật Phục hồi và Tái đầu tư
BUSP	Bus Program	Chương trình xe buýt
C	Construction	Xây cất
CAAA	Clean Air Act Amendment	Tu chính án Luật Không khí Trong sạch
CBD	Central Business District	Khu Trung tâm Thương mại
CDBG	Community Development block Grant	Quỹ Phát triển Cộng đồng
CMPP	Congestion Management Planning Process	Quy trình Hoạch định việc Quản trị Tắc Nghẽn
DEMO	District Emergency Management Office	Văn phòng Quản trị Khẩn cấp Quận
DOTD	Department of Transportation and Development	Bộ Chuyển vận và Phát triển
DPW	Department of Public Work	Bộ Công chánh
Drng	Drainage Work	Công tác Thoát nước
E	Final design and engineering	Thiết kế và Kỹ thuật hóa Cuối cùng
E-R	Emergency-Relief	Khẩn cấp- Trợ giúp
ENV	Environment Assessment	Giám định Môi sinh
ESF	Emergency Support Function	Chức năng Hỗ trợ Khẩn cấp
FBR	Federal Bridge Replacement	Chương trình Thay Cầu Liên bang
FHWA	Federal Highway Administration	Cơ quan Quản trị Xa lộ Liên bang
FY	Fiscal Year	Tài Khóa
ICWW	Intracoastal Waterway	Đường thủy miền duyên hải
IM	Interstate Maintenance	Bảo trì Thông Bang
ISTEA	Intermodal Surface Transportation Efficiency Act	Đạo luật Chuyển vận Hữu hiệu Đa cách Mặt đường
ITS	Intelligent Transportation System	Hệ thống Chuyển vận Thông Minh
JARC	Job Access and Reverse Commute	Đường Khứ hồi Đi Làm
LaDOTD	Louisiana Department of Transportation and Development	Bộ Chuyển vận và Phát triển Louisiana
LRA	Louisiana Recovery Authority	Thẩm quyền Phục hồi Louisiana
MAP	Motorist Assistance Patrol	Chương trình Tuần tiễu Hỗ trợ Người lái xe
MPO	Metropolitan Planning Organization	Tổ chức Hoạch định Thành thị
NAACP	National Association for the Advancement of Colored People	Hiệp hội Quốc gia cho sự Thăng tiến của Người da màu
NAAQS	National Ambient Air Quality Standards	Tiêu chuẩn Phẩm chất Không khí Khung cảnh Quốc gia
NHS	National Highway System	Hệ thống Xa Lộ Quốc gia
NOUPT	New Orleans Union Passenger Terminal	Trạm cuối xe Hành khách New Orleans Union

OEP	Office of Emergency Preparedness	Văn phòng Chuẩn Bị Khẩn cấp
OLY	Overlay	Che phủ
PE	Preliminary Engineering	Kỹ thuật hóa Sơ khởi
PCC	Pre-cast concrete	Bê tông đúc trước
Rehab	Rehabilitation	Sự Phục hồi
ROW	Right of Way	Quyền Ưu tiên
RPC	Regional Planning Commission	Hội đồng Hoạch định Vùng
RTA	Regional Transit Authority	Thẩm quyền Giao thông Vùng
SAFETEA-LU	Safe, Accountable, Flexible, Efficient Transportation Equity Act, A Legacy for Users	Đạo luật Chuyển vận Công minh về An toàn, Khả trách, linh động, Hữu hiệu, Di sản cho Người Dùng
SDY	Technical Study	Nghiên cứu Kỹ thuật
St. Cash	State Cash Funds	Quỹ Tiền mặt của Tiểu bang
St. Gen.	State General Funds	Quỹ Tổng quát của Tiểu bang
STIP	State Transportation Improvement Program	Chương trình Cải tiến Chuyển vận Tiểu bang
STP	Surface Transportation Program	Chương trình Chuyển vận Mặt đường
STP<200K	Federal funds for urban areas with population less than 200,000	Quỹ tài trợ Liên bang cho những khu thành thị có dân số dưới 200,000 người
STP ENH	Transportation Enhancements	Những Nâng cấp Chuyển vận
STP FLEX	Federal funds programmed statewide through DOTD needs assessment process	Quỹ tài trợ Liên bang được chương trình hóa cho toàn tiểu bang theo tiến trình giám định nhu cầu bởi DOTD
STP HAZ	Federal funds for hazard elimination and safety improvements	Quỹ tài trợ Liên bang để giải trừ rủi ro và cải tiến an toàn
TAC	Technical Advisory Committee	Ủy ban Cố vấn Kỹ thuật
TEA-21	Transportation Efficiency Act for the 21st Century	Đạo Luật Chuyển vận Hữu hiệu cho Thế kỷ 21
TIMED	Transportation Infrastructure model for Economic Development	Mẫu Hạ tầng Cơ sở Chuyển vận để Phát triển Kinh tế
TIP	Transportation Improvement Program	Chương trình Cải tiến Chuyển vận
VMT	Vehicle Miles Travelled	Số dặm xe chạy

Hồ Sơ Chấp Thuận
Chương Trình Cải Tiến Chuyển Vận

Khu Vực Thánh Thị Hóa New Orleans
TÀI KHÓA 09 – TÀI KHÓA 12

số.	Quyết nghị số	Ngày	Mô t□ nh□ng Thay đ□i
1		12/2/08	Bản Phác thảo. Trình cho Hội Đồng để duyệt xét.
2	09-2000	1/13/09	Phê chuẩn bởi thành viên của Hội Đồng Hoạch Định Vùng
3		2/10/09	Những Tu chính cho Yếu tố Xa lộ
4		3/10/09	Những Tu chính cho những Yếu tố Xa lộ và Vận chuyển
5		4/14/09	Những Tu chính cho Yếu tố Xa lộ
6		5/12/09	Những Tu chính cho những Yếu tố Xa lộ và Vận chuyển

LỜI GIỚI THIỆU

Chương Trình Cải Tiến Chuyển Vận (Transportation Improvement Program-TIP) được phê chuẩn một năm hai lần bởi Hội Đồng Hoạch Định Vùng (Regional Planning Commission-RPC). Tài liệu này được soạn thảo với sự cộng tác của RPC, thực thi với thẩm quyền pháp lý là Tổ chức Hoạch Định Thành Phố cho khu vực thành thị hóa của New Orleans, và Bộ Chuyển Vận và Phát Triển Louisiana và những cơ sở điều hành vận chuyển liên hệ. Một bản đồ của khu vực thành thị hóa được cung cấp trong Hình 1.

Chương Trình Cải Tiến Chuyển Vận bao gồm một danh sách những đề án ưu tiên (cho cả xa lộ và giao thông) đang tiến đến việc xây cất trong thời gian bốn năm của Tài Khóa 09 tới Tài Khóa 12. Những đề án trong TIP đã tiến hóa qua tiến trình hoạch định chuyển vận và nằm trong Kế Hoạch Chuyển Vận Thành Phố có tầm xa của vùng.

Cả TIP địa phương và TIP Tiểu bang đều giống hệt nhau trong đó có một tập hợp của những đề án giống nhau đưa ra để được tài trợ liên bang. TIP và TIP Tiểu bang là kết quả của tiến trình đóng góp nhất trí được thực thi bởi RPC và bộ Chuyển Vận và Phát Triển Louisiana. Cả TIP và TIP Tiểu bang hiện nằm trong chu kỳ hiện đại hóa hai năm. Tuy nhiên TIP được duyệt xét hàng năm bởi RPC và những sửa đổi chọn lọc được chấp thuận sau khi đã qua những thủ tục tu chính chính thức.

Những đề án nằm trong TIP phát xuất từ Giai Đoạn I của Kế Hoạch Chuyển Vận Thành Phố (Metropolitan Transportation Plan). Đa số những đề án có chiều hướng tái xây dựng bao gồm việc phục hồi đường xá, che phủ đường, và tín hiệu lưu thông, chiếu theo tám yếu tố hoạch định được ban hành theo Đạo Luật Công Bằng Lưu Thông An Toàn, Khả Trách, Linh Động, Hữu hiệu, một Di Sản cho Người Dùng (Safe, Accountable, Fexible, Efficient Transportation Equity Act, a Legacy for Users) (SAFETEA-LU). Chuyển vận bằng xe búyt và việc phục hồi và mở rộng đường rầy cũng được nhấn mạnh củng việc phát triển những cơ sở vận chuyển đa cách. Những đề án được nhận diện trong TIP là thành phần của Kế Hoạch Chuyển Vận (Transportation Plan) đã được chấp thuận và được tham chiếu trong Đề I và Đề II của Đạo Luật SAFETEA-LU. Cố gắng này là biểu hiệu của cố gắng cao nhất của vùng để thi hành những điều khoản của SAFETEA-LU, và đưa đến việc tuân thủ đầy đủ của những điều khoản này.

Công dân, những cơ quan công cộng liên hệ, những cơ sở vận chuyển tư, và những đương sự khác có liên hệ, được mời duyệt xét và bình luận tài liệu này. Bản phác thảo của TIP sẽ được duyệt xét bởi Hội Đồng Hoạch Định (Planning Commission) và Ủy Ban ChínhSách Chuyển Vận (Transportation Policy Committee) vào ngày 2 tháng Mười Hai, 2008, với việc chấp thuận cuối cùng sau khi nhận được những bình luận công cộng vào ngày 13 Tháng Giêng, 2009.
Những bình luận và thắc mắc cần gởi tới:

Ông Walter Brooks, Giám Đốc Chấp Hành
Hội Đồng Hoạch Định Vùng
1340 Poydras Street, Suite 2100
New Orleans, LA 70112

điện thoại: 504-568-6611
fax: 504-568-6643
địa chỉ mạng: rpc@norpc.org

Sự Kềm Chế Tài Chánh

Những đề án nằm trong Chương Trình Cải Tiến Chuyển Vận (TIP) cho Tài Khóa 09-Tài Khóa 12 phát xuất từ Kế Hoạch Chuyển Vận Thành Phố (Metropolitan Transportation Plan) toàn diện 20 năm của vùng. Cả TIP và Kế Hoạch đã được kềm chế tài chánh để phản ảnh mức độ thực tiễn và sẵn có của việc tài trợ đề án.

Những đề án trong TIP để thăng tiến đã được thảo luận đầy đủ với những thành viên của Ủy Ban Cố Vấn Kỹ Thuật của Hội Đồng Hoạch Định Vùng (RPC Technical Advisory Committee) và Bộ Chuyển Vận và Phát Triển Louisiana (Louisiana Department of Transportation and Development) trước khi được đặt vào TIP. Chỉ những đề án nào đã được đồng thuận với DOTD về giá trị và sự tài trợ có sẵn mới được chọn lọc để ghi vào TIP và TIP Tiểu bang.

Dựa trên những dữ liệu tài chánh từ DOTD, vùng New Orleans trung bình được tài trợ hàng năm vào khoảng $83 tỷ bởi Liên bang và Tiểu bang chiếu theo Đạo Luật Chuyển Vận Hữu Hiệu cho Thế Kỷ 21 (Transportation Efficiency Act), hoạch là TEA-21.

Bắt đầu trong trong xi là danh sách tất cả những đề án xa lộ được chấp thuận để xây cất hay là những đề án giao thông bắt buộc phải thực thi trong năm ngoái. Dựa theo đạo luật ISTEA và những đạo luật kế tiếp, vùng New Orleans đã gia tăng số lượng công trình được chấp thuận để xây cất hàng năm vì sự phối hợp hữu hiệu trong việc hoạch định và lập chương trình giữa RPC và LaDOTD. Sự kềm chế tài chánh đã đưa đến việc khám phá những nguồn tài chánh và phát triển một chương trình tập trung tốt hơn.

Những đề án được nhận diện để hưởng tài trợ bởi Hệ Thống Xa Lộ Quốc Gia (National Highway System - NHS) thuộc chương trình ưu tiên của DOTD và đã được đồng thuận bởi RPC, với thẩm quyền là MPO cho vùng New Orleans. Những tài khoản NHS nằm trong TIP phần lớn được dùng để giải quyết tắt nghẽn ở những giao điểm của hành lang I-10. Những đề án được tài trợ trong Chương Trình Chuyển Vận Mặt Đường (Surface Transportation Program) cho những khu vực thành thị hóa có dân số cao hơn 200,000, hay "STP>200 K" cũng bị kềm chế tài chánh, để phản ảnh tài khoản quy định cho hàng năm (vào khoảng $15.4 triệu cho Tài Khoản 09) cộng với 20% tiền tương xứng của địa phương (không thuộc liên bang). Vùng có một sai ngạch dương về tài khoản quy cho, có thể dùng để bao trả những gia tăng tổn phí đề án vì những vấn đề môi sinh, xây cất hay quyền ưu tiên.

Về mặt giao thông, đa số việc tài trợ đề án căn cứ vào công thức tài trợ của Tiểu Đoạn 5307 được ấn định hàng năm trong ấn bản liên bang *Federal Register* và trong những năm mới đây trung bình được vào khoảng $15 triệu mỗi năm cho khu vực thành thị hóa của New Orleans. Những tài trợ bổ túc phát xuất từ tài khoản tùy ý của Tiểu Đoạn 5309 cho những đề án ưu tiên cao như là thay thế hay mua xe búyt. Những tài khoản này chỉ được đặt thành chương trình nếu những đề án

này đang được chấp thuận hay chờ sự chấp thuận của Quốc Hội. Những tài khoản tương xứng cho những đề án giao thông phát xuất từ những nguồn lợi tức chỉ định, cụ thể là 1% thuế bán và một tỷ lệ Thuế Khách Sạn ở Phường Orleans, và thuế bất động sản của Phường Jefferson.

Để tóm lược, những đề án trong TIP phản ảnh một chương trình duy nhất được chấp thuận để đồng phát triển với những cơ sở điều hành giao thông địa phương và Bộ Chuyển Vận và Phát Triển Tiểu Bang (State Department of Transportation and Development). Vùng New Orleans đã đặt ưu tiên cao những đề án có chủ ý cải tiến múc cạnh tranh kinh tế tổng quát của vùng, nhất là những đề án nâng cao việc di chuyển hàng hóa.

Bão Katrina

Tiến Trình Hoạch Định và Phục Hồi Chuyển Vận

Vào khoảng ngày 29 tháng Tám, 2005, khu vực New Orleans và những quận trong Vịnh Mississipi bị Bão Katrina đánh. Sóng bão lên trên 25 feet và gió trên 130 dặm một giờ tàn phá vùng này. Những khu vực phía đông của Phường St. Tammany, nhất là Thành phố Slidell và cộng đồng ở Northshore, bị tàn phá, bị đánh trực tiếp khi cơn bão trạm đất. Thêm nữa, hệ thống chống bão ở ven phía năm của Hồ Pontchartrain, nhất là những Phường Orleans và St. Bernard, bị thất bại nghiêm trọng. Nạn lụt kế đó ở những khu vực này đưa đến việc di tản cả ***trăm ngàn*** cư dân, và có ảnh hưởng rộng lớn trên toàn quốc gia. Trận bão này đã chứng minh là trận bão tốn kém nhất, mà tầm sức tàn phá độc nhất vô nhị trong lịch sử Hoa kỳ, với 90,000 dặm vuông bị tàn phá, một diện tích tương đương với nước Anh. Khi bài này được viết, nhiều cư dân di tản đã định cư ở một nơi khác trong vùng, hay ra hẳn khu vực thành thị hóa của New Orleans.

Điều này gây ra một tình trạng riêng biệt độc nhất trong việc hoạch định chuyển vận. Chiều hướng tăng trưởng của dân số, công việc làm và kinh tế-xã hội thường mất nhiều năm và thập niên để hoàn thành, nay được tiến nhanh trong một thời gian vào khoảng ba tháng ở một số khu vực của vùng, trong khi đó những khu vực khác lại phải đương đầu với những nhu cầu nhân sự căn bản, như là nhà cửa, nước, và những dịch vụ vệ sinh. Những dự đoán trước đây của những chiều hướng này hiện thay đổi thường xuyên và rất có thể không còn gía trị đối với thực trạng mới hậu-Katrina của vùng đông nam Louisiana.

Một số những nguồn tài khoản liên bang đáng kể đã được triển khai tới vùng để giúp với nỗ lực phục hồi. Cả tỷ bạc để giúp đỡ việc phục hồi đã được Quốc hội dành riêng với sự đề nghị của Tổng thống. Trong khi bài này được viết, vào khoảng một năm rưỡi sau trận bão, chỉ một số lượng nhỏ của tiền phục hồi quý gía mới đạt tới vùng này. Những đề án từng được xác định bởi cộng đồng là cần thiết nhưng không được tài trợ vì một số lý do khác nhau, có thể sẽ được thục hiện với một ý thức khẩn cấp và với lý do chính đáng qua việc sử dụng những nguồn tài trợ giúp tình trạng tai họa và rủi ro, trong khi chờ đợi tiền phục hồi dự trù bởi Quốc hội.

Đồng thời, công trình tái thiết lớn lao cũng lại gây ra tình trạng thiếu hụt những vật liệu và lao động để xây cất. Giá cả đấu thầu cho những đề án xây dựng gia tăng vào khoảng 40% kể từ khi bị Bão Katrina. RPC nghĩ đây chỉ là một sự khác thường ngắn hạn. Sự gia tăng giá cả ảnh hưởng đến sự kềm chế tài khoản, và tổn phí xây cất đã được tái giám định một cách kỹ lưỡng với những dữ liệu tốt nhất sẵn có.

Hội Đồng Hoạch Định Vùng (Regional Planning Commission) đã làm việc gần gũi với những phường thành viên để hỗ trợ và bổ túc nhiều nhiệm vụ không còn đảm trách được bởi từng phường một. Một thí dụ là với tư cách đại diện những phường thành viên, RPC đang làm việc với Cơ Quan Quản trị Xa Lộ Liên Bang (Federal Highway Administration) để thực thi chương trình Khẩn Cấp-Cứu Tế (E-R). RPC cũng đang làm việc với Cơ Quan Quản Trị Giao Thông Liên Bang (Federal Transit Administratin) để đi đến việc thực thi những điều khoản của Đoạn 7025 của đạo luật thứ 4 về Bổ Túc Tài Trợ Khẩn Cấp được Quốc Hội thứ 109 phê chuẩn để giúp đỡ những cơ quan giao thông địa phương sử dụng công thức Đoạn 5307 Tiền Vốn để trả chi phí điều hành cho hết 2008.

Trong những ngày đầu của tiến trình phục hồi, RPC làm việc gần gũi với Đơn Vị Hỗ Trợ Khẩn Cấp (ESF) 14 của Cơ Quan Quản Trị Khẩn Cấp Liên Bang (FEMA), mà cơ quan này đã nhận diện những đề án phục hồi khác nhau trong nguyên vùng. Nỗ lực liên bang đã được thay thế bởi Thẩm Quyền Phục Hồi Louisiana (LRA) là cơ quan được hưởng cả tỷ đồng trong Quỹ Phát Triển Cộng Đồng (CDBG) mà Quốc Hội đã dành riêng.

RPC đã làm việc với LRA cả trên phương diện chính sách (qua Tiểu Ban Hạ Từng Cơ Sở) và trên phương diện chiến thuật để thực thi những chương trình và chính sách phục hồi trong vùng New Orleans. Thời gian sẽ cho thấy là nỗ lực này có thật sự đưa đến việc tái đầu tư hạ từng cơ sở chinh yếu trong việc phục hồi bền vững như Quốc Hội và dân chúng Hoa Kỳ muờng tượng hay không.

RPC đã rất tích cực trong hoạch định phục hồi ở cấp phường và ngay cả cấp xóm. Những thành viên của RPC đã tham gia trong chương trình Mang New Orleans Lại (Bring New Orleans Back), và lặt vặt những nỗ lực hoạch định khác đang xảy ra ở cấp xóm, thành phố, và tiểu bang. RPC đã tạo ra vô số kể những đồ họa, các dữ liệu GIS và tài năng chuyên nghiệp để trợ giúp các nỗ lực phục hồi cộng đồng.

RPC cũng đã phối hợp với Văn Phòng Chuẩn Bị Khẩn Cấp địa phương (Offices of Emergency Preparedness - OEP's) và nhân viên Quản Trị Khẩn Cấp (Emergency Management Personel) trong việc cung cấp các dữ liệu và tài năng kỹ thuật trong nỗ lực phục hồi và cải tiến các hoạt động điều hành của họ.

NHỮNG LÃNH VỰC ĐƯỢC NHẤN MẠNH – XA LỘ

Tại lúc này, Hội Đồng Hoạch Định Vùng (Regional Planning Commission) có một sứ mạng trên lưỡng đường:

1. Để giúp những phường thành viên với những nỗ lực phục hồi liên tục để tái xây cất những tài sản và hạ tầng cơ sở hiện hữu, và

2. Để giúp những phường thành viên bị ảnh hưởng của bão ít hơn để tiếp tục với những hoạch định và chương trình đã được thiết lập trước khi có biến cố này, trong số đó nhiều hoạch định và chương trình liên hệ đến việc cải tiến hạ tầng cơ sở tản cư.

Chương trình TIP phản ảnh sự chú ý nhiều hơn đến sự bảo trì xa lộ, kể cả công việc che phủ và công việc phục hồi thường xuyên. Đa số những đề án được nhận diện trong chương trình TIP có liên quan đến việc phục hồi, trải lại mặt đường, che phủ, hay là tái kiến thiết (không bành trướng khả năng) những đường xá lớn đang bị hư hại trầm trọng.

Sự nhấn mạnh cũng được đặt vào việc thay thế và tăng cấp hệ thống tín hiệu lưu thông của vùng bằng dụng cụ đáng tin cậy hơn, một sự quyết tâm mới của địa phương mới để cải tiến việc bảo trì, và cải tiến những khả năng thông tin để kiểm soát dòng giao thông đi qua ranh giới những phường. Một phần lớn của hạ tầng cơ sở đó đã bị tiêu hủy bởi lũ lụt bắt nguồn từ sự thất bại lớn lao của hệ thống bảo vệ chống bão và đang được sửa chữa vào lúc này. Một thí dụ là nhiều tín hiệu lưu thông chỉ định để được sửa chữa và nâng cấp trong thành phố New Orleans đã được sửa chữa dưới chương trình FHWA's E-R. Những đề án đa đoạn được tiến hành trước khi bị bão, hiện được giám định lại và những phạm vi mới được phát triển để thích nghi hóa những dụng cụ mới được đặt như một phần của nỗ lực phục hồi.

Một đặc tính khác đang được cứu xét là tiềm năng cho những sự áp dụng giới hạn (và có thể chi trả được) của những kỹ thuật canh chừng và thông tin cao cấp hơn qua sự thực hiện những cải tiến tín hiệu giao thông và những kỹ thuật Hệ Thống Chuyển Vận Thông Minh (ITS) dùng để cố vấn những người lái xe về những địa điểm kẹt xe và tai nạn xe cộ hay xảy ra.

Ngoài những đồ án thay thế bảng hiệu, đèn, và tín hiệu căn bản, một chương trình Tuần Tiễu Hỗ Trợ Người Lái Xe (MAP) được tiếp tục trong thời gian tái lập I-10 và lâu hơn nữa để giảm thiểu đình trệ giao thông bằng cách đáp ứng cho những xe không chạy được hay bị hư.

NHỮNG LĨNH VỰC ĐƯỢC NHẤN MẠNH – GIAO THÔNG

Hệ thống giao thông trong vùng thành thị hóa New Orleans đã bị tàn phá bởi trận bão Katrina. Không những hàng trăm triệu đô-la đã bị mất về tài sản vật chất, mà một phần lớn dân số đi xe chuyển vận công đã bị vô gia cư bởi trận bão và đã tái định cư tới những khu ngoài vùng New Orleans và trên khắp toàn nước Mỹ. Hậu quả là, tất cả những cơ sở giao thông trong vùng đã bị thiệt hại lớn lao về số hành khách đi xe (lợi tức vé) và về lợi tức thuế dùng để tài trợ hoạt động. Tất cả những cơ sở điều hành giao thông trong vùng đã thấy sự cần thiết để giảm bớt hoạt động, trong nhiều trường hợp lại phải giảm một cách trầm trọng. RPC đang làm việc gần gũi với những cơ sở điều hành giao thông để trợ giúp việc phát triển kế hoạch phục hồi cho hoạt động bền vững của hệ thống giao thông trong bốn năm tới. RPC cũng tiếp tục làm việc với LaDOTD về đề án Phi Trường tới CBD, cũng như một ý niệm đường rầy liên-thị nhiều cao vọng hơn giữa Baton Rouge và New Orleans.

Ngoài ra, RPC tiết tục ủng hộ việc sử dụng và bành trướng của những dịch vụ giao thông trên khắp khu vực đô thị để giảm bớt VMT, như là một cách để giảm thiểu sự tắt nghẽn, và để cung cấp một sự lựa chọn trong những phương cách chuyên chở trong vùng. RPC đã làm việc gần gũi với Chuyển Vận Phường Sông (River Parish Transit), phục vụ "Những Phường Sông" St. Charles và St. John để thực thi một dịch vụ giao thông có tầm vóc ngang với những nhu cầu của khu vực này.

NHỮNG LÃNH VỰC ĐƯỢC NHẤN MẠNH – XE ĐẠP VÀ BỘ HÀNH

Hội Đồng Hoạch Định Vùng (Regional Planning Commission) quyết tâm trong sự khuyến khích sử dụng những phương cách chuyên chở không dùng máy, như là đi xe đạp và đi bộ. RPC khuyến khích sự thuận tiện hóa của những tiện nghi cho xe đạp và bộ hành trong những đề án tái thiết lập, tái tráng mặt, và gia tăng năng lượng, cho đến mức độ được coi là an toàn và khả thi. Để đạt điều này, RPC đã chủ động trong việc thực hiện những nỗ lực hoạch định và xây cất nhắm vào sự cung cấp một môi trường an toàn và thú vị cho những hoạt động chuyển vận không dùng máy. Với tư cách là một chính sách, RPC đã và sẽ tiếp tục làm việc với những cơ quan quan hệ khác nhau để thực hiện những đề án quan trọng này.

NHỮNG LÃNH VỰC ĐƯỢC NHẤN MẠNH - TIẾN TRÌNH HOẠCH ĐỊNH QUẢN TRỊ SỰ TẮT NGHẼN

Tiến trình Quản Trị Tắt Nghẽn (CMPP) đang tiến hành của RPC cũng được dùng để xác định những nhu cầu của đề án, giám định những chiến lược và thực hiện những đề án để giảm thiểu sự tắt nghẽn trong khu vực Thành thị hóa New Orleans. RPC đã thiết lập những qui định của tiến trình dựa theo điều lệ 23 CFR 450.320, và những tiểu đoạn trong đó. Đề cao hoạch định xa lộ, chuyển vận, và hoạch định đa cách, RPC dã ban hành và xúc tiến những đề án mà mục tiêu toàn diện là để giảm bớt sự tắt nghẽn trên những đường giao thông qua khắp vùng. Những thí dụ mới đây của việc này bao gồm việc thực hiện một trạm chuyển tiếp giao thông tại ngã đường bị tắt nghẽn cao độ của Đại lộ City Park và đường Canal (thiết kế đang được xúc tiến lúc này); những giao nối và những nâng cấp tín hiệu giao thông dọc theo Đại lộ Veterans, những cải tiến che phủ và giao thông hình học dọc theo Đại lộ Lapalco, Đại lộ Earhart và Công viên lộ Clearview.

Những cuộc họp của những cơ quan quan hệ với những chuyên gia của Bộ Công chánh, Chuyển vận, và Hoạch định địa phương đang tiến hành và tiếp tục trong khi RPC tìm những phương cách mới và cải cách để giảm bớt sự tắt nghẽn trong khu vực đô thị.

ƯU TIÊN HÓA NHỮNG ĐỀ ÁN

Một bản thảo của tài liệu TIP được soạn thảo một năm hai lần bởi RPC với sự cố vấn và cộng tác cận kề với LaDOTD. Tài liệu này được phổ biến rộng rãi cho quần chúng xem xét và bình luận (Xem phần Tham Dự Công Cộng) và được trình bày tới Ủy ban Cố vấn Kỹ thuật đa thị xã của vùng để xem xét, bình luận, và đồng thuận. Ngoài những chuyên gia về hoạch định địa phương và về công chánh, Ủy ban Cố vấn Kỹ thuật gồm có những đại diện từ tất cả những cơ quan phương cách chuyển vận, kể cả những cơ sở quan hệ về cảng, phi trường, giao thông công cộng và đường rầy trong vùng. Một bản sao của danh sách những thành viên của Ủy ban Cố vấn Kỹ thuật (Technical Advisory Committee) của RPC nằm ở trang 16.

Những đề án nằm trong TIP được tổ chức theo với tài khóa liên bang, đã bắt đầu ngày mồng Một, tháng Mười, năm 2008. Chương trình TIP bao gồm một khoảng thời hạn bốn năm: Tài Khóa 09-Tài Khóa 12 và tương hợp với Giai đoạn I của Hoạch định Chuyển vận Đô thị (Metropolitan Transportation Plan).

RPC làm việc rất gần gũi với nhân viên của LaDOTD và những Bộ Công Chánh của phường (DPW's) để ưu tiên hóa những đề án một cách thiết thực, tùy theo đề án thật sự nằm ở đâu trong tiến trình thực hiện. Các buổi họp được tổ chức ít nhất là mỗi tam cá nguyệt với LaDOTD để theo dõi tình trạng thật sự của những đề án của TIP và thời khóa biểu những đề án đã được chấp thuận. Sự duyệt xét định kỳ này đã giúp vùng này ấn định những ưu tiên đề án vững vàng hơn là những ưu tiên "trên giấy". Sự duyệt xét này dựa trên những dữ kiện quan trọng như là được phép theo môi sinh, công việc khảo sát, những kế hoạch sơ khởi, quyền ưu tiên, những tiện ích, duyệt xét và soạn thảo kế hoạch cuối cùng. Khi nhìn chung lại, những tiêu chuẩn này thiết lập ngày được chấp thuận thích đáng và, vì vậy, thứ tự ưu tiên trong việc thi hành những đề án của TIP. Phí tổn của đề án, loại tài trợ, và sự sẵn có của tài trợ đã được đề nghị cũng được cứu xét trong việc sắp đặt ưu tiên. Tin tức ở mức đề án nêu trên được cung cấp cho Ủy ban Cố vấn Kỹ thuật, hoặc cho quần chúng tổng quát nếu yêu cầu, và tình trạng công việc của đề án được sử dụng rộng rãi trong việc thiết lập chương trình ưu tiên. Bản thảo TIP cũng được tường trình đến Ủy ban Chính sách Chuyển vận (Transportation Policy Board) để xem xét và góp ý, cùng với bất cứ những ý kiến nào nhận được của thường dân, trước khi kết cuộc hóa những ưu tiên.

MỐI LIÊN HỆ CỦA TIP VỚI KẾ HOẠCH CHUYỂN VẬN ĐÔ THỊ

Những đề án nằm trong chương trình TIP của New Orleans đang tiến hóa qua quy trình hoạch định của vùng. Tiến trình phân tích này được dựa trên tám yếu tố hoạch định nằm trong đạo luật SAFETEA-LU. Những yếu tố này và kết quả phân tách được sử dụng bởi RPC trong việc phát triển một kế hoạch chuyển vận tiếp phương phối hợp và chương trình TIP cho vùng New Orleans. *Kế Hoạch Chuyển Vận cho Năm 2032*, chứa đựng những cuộc thảo luận bao-quát về cách làm sao những yếu tố này và những yếu tố khác được áp dụng một cách rõ rệt trong vùng New Orleans để phát triển một hệ thống chuyển vận tạo điều kiện cho sự di chuyển hữu hiệu, cần kiệm của người và hàng hóa.

Chương trình TIP cũng được sử dụng như là một công cụ quản trị để thực hiện Kế hoạch Chuyển vận Đô thị của vùng có tầm xa 20 năm. Những đề án nằm trong TIP đã được ấn định qua một tiến trình cố vấn với tiểu bang, những sở điều hành giao thông địa phương, cộng đồng thương mại, và quần chúng. Đại khái, tình trạng của mỗi một đề án cá nhân trong chương trình tiểu bang tổng thể đã được duyệt xét dựa xem nó nằm ở đâu trong tiến trình thực hiện và dựa trên gía trị của nó. Căn cứ vào sự duyệt xét này, những đề án được tuyển chọn đã được đồng ý để tiến hành, vài cái đã bị loại bỏ, những ưu tiên địa phương khác đã được thêm vào.

MỐI LIÊN HỆ CỦA TIP VỚI SỰ TUÂN THỦ PHẨM CHẤT KHÔNG KHÍ

Cho tới ngày 30, tháng Tư, năm 2004, bốn phường bao quanh khu vực thành thị hóa New Orleans, những phường Jefferson, Orleans, St. Bernard và St. Charles, đã có lần được chỉ định như một khu vực bảo trì phẩm chất không khí cho chất ozon phù hợp với những Tu-Chính Án Luật Không Khí Trong Sạch của năm 1990 (CAAA), đã được xác định là tuân thủ với tiêu chuẩn mới 8-giờ cho chất ozon. Sự xác định này được căn cứ vào những dữ liệu của ba năm liên tiếp theo dõi phẩm chất không khí, chứng tỏ có sự tuân thủ với những Tiêu chuẩn Phẩm chất Không khí Khung cảnh Quốc gia (NAAQS) cho tất cả những chất ô nhiễm tiêu chuẩn.

Vào ngày 27, tháng Năm, năm 2008, những tiêu chuẩn phẩm chất không khí mới, đặc biệt đối với chất ozon, đã có hiệu lực khi được ban hành bởi Cơ quan Bảo vệ Môi sinh Hoa Kỳ. Những tiêu chuẩn nghiêm-khắc và mới hơn có thể có một tác động trên khả năng của vùng để đáp ứng với NAAQS. Do đó, những ưu tiên đề án, những nguồn tài trợ, và những hành động được phân biệt có thể có sẵn tùy theo khu vực có đi ra ngoài quy định hay không và đi ra ngoài quy định như thế nào.

Từ năm 2004, RPC đã làm việc để bảo đảm rằng khu vực này không "đi ngược" trở lại tình trạng không đạt được. RPC đã làm việc tích cực để khu vực được chỉ định là "Thành Phố Sạch"bởi Bộ Năng lượng Hoa Kỳ (US Department of Energy) vì thực hiện những nhiên liệu thay thế, sạch hơn cho xe cộ trong vùng. RPC tiếp tục ủng hộ việc sử dụng và mở rộng những dịch vụ giao thông trên toàn khu vực đô thị để giảm bớt VMT và kết quả là hạ thấp những chất phóng thích từ xe cộ một người đi.

SỰ THAM GIA CỦA CÔNG CHÚNG VÀ CỘNG ĐỒNG KINH DOANH

Sự tham gia của dân chúng đã được khuyến khích trong suốt việc công thức hóa TIP và Kế Hoạch Chuyển Vận (Transformation Plan). RPC tham gia trong những cuộc họp tam cá nguyệt thường xuyên của chín phường Greater New Orleans, Inc., Quỹ Hợp Tác để phát triển king tế (Partnership Foundation for economic development), Ủy Ban Chuyển Vận của Phòng Thương Mại (Transportation Committee of the Chamber of Commercer), Ủy Ban Chuyển Vận Trung Tâm Mậu Dịch Quốc Tế (World Tracde Center Transportation Committeee), Hội Đồng An Toàn Đô Thị (Metropolitan Safety Council), và Ủy Ban Nhận Thức Xe Đạp của Đô Thị New Orleans (Bicycle Awareness Committee of Metropolitan New Orleans), trong số những tập đoàn khác nữa. RPC đã dùng những báo chí địa phương, những buổi họp hàng xóm và thư gửi phổ thông để thông báo dân chúng về tiến trình hoạch định, kế hoạch chuyển vận, những đề án quan trọng trong vùng, và để thúc đẩy những phương cách vận chuyển thay thế.

Tự mình, RPC đã phát triển một bản đồ và danh sách gửi thư của trên 200 hội đoàn khu xóm trên khắp vùng. RPC đã phát triển một chương trình tiếp dân rộng rãi để khuyến khích sự tham gia lớn hơn của dân chúng trong tiến trình hoạch định. Thư đang được gửi định kỳ tới những tổ chức bảo trợ chủ chốt để thông báo hữu hiệu hơn cho dân chúng về Kế Hoạch Chuyển

Vận và TIP và để tìm hiểu ý kiến của họ về những cải tiến đã được hoạch định này cũng như những nhu cầu và những vấn đề chuyển vận khác trong khu vực.

Trong nhiều năm qua, những cuộc họp đã được tổ chức với nhiều xóm và những tổ chức kinh doanh như là Hiệp hội Cộng đồng Lakeview (Lakeview Civic Association) , Lực lượng Đặc nhiệm Đại Lộ Jackson (Jackson Avenue Task Force), Hiệp hội Cộng đồng Bonnabel (Bonnabel Civic Association), Trung tâm Vận động cho Người bị Khuyến tật (Advocacy Center for the Disabled), Jefferson 2000, Greater New Orleans, Inc. Hội Đồng Chính Phủ (Council of Government), Hiệp hội những Nhà thầu Tổng quát (Association of General Contractors), Ủy ban Chuyển vận Liên-Phường Bờ phía Tây (West Bank Inter-Parish Transportation Committeee), Ủy Ban chuyển Vận tiếp Phương Phòng Thương mại (Intermodal Transportation Committee of the Chamber of Commerce), Quỹ Phát triển Kinh tế Miền Đông New Orleans (New Orleans East Economic Development Foundation), Liên minh Hành động của Desire-Florida (Desire-Florida Coalition for Action), Khu Phát Triển Trung Tâm Thành Phố (Downtown Development District), Đại Học Xavier (Xavier University), Hiệp hội Kinh doanh Hành lang Earhart-Tulane (Earhart-Tulane Corridor Business Association), Trung Tâm Y Tế Vùng New Orleans (New Orleans Regional Medical Center) và Hiệp hội Doanh thương Kênh Harvey (Harvey Canal Business Association), trong số những hội khác nữa . Những nỗ lực đặc biệt đang được thực thi để bành trướng nỗ lực tiếp tay này để bao gồm các nhóm thường bị loại trừ khỏi tiến trình quyết định qua những cuộc họp nhóm tiêu điểm được bảo trợ bởi RPC. Thông tin về Kế Hoạch (the Plan), chương trình TIP, và những cơ hội để tham gia trong tiến trình hoạch định đã được đưa tới những nhóm thiểu số như là Tổng Hành Động Cộng Đồng (Total Community Action), Liên Minh Thành Thị (The Urban League), NAACP, và Hiệp Hội Khu xóm của Phường Chín Thấp (the Lower Ninth Ward Neighborhood Association). Nhiều đề án nằm trong Kế Hoạch và TIP đã bắt nguồn từ sự tương tác trực tiếp với những nhóm này là những nhóm đã xác định những vấn đề giao thông chính đáng, những vấn đề này sau đó được giám định và được đặt vào trong Kế Hoạch và trong TIP.

RPC cũng đã dùng báo chí địa phương để thông tin công chúng về những đề án vùng quan trọng và để thúc đẩy những hình thức chuyển vận thay thế, bao gồm xe buýt, xe lửa nhẹ, và xe chung. Những thông báo buổi họp công cộng về Kế Hoạch, TIP, bất cứ sửa đổi nào vào đó, và Chương Trình Công Việc Thống Nhất về Hoạch Định Chuyển Vận (Unified Work Program for Transportation Planning) của vùng được đặt trong những nhật báo.

Từ lúc bị bão Katrina, RPC đã làm việc để kết nối kế hoạch tham gia quần chúng của hội đồng với những nỗ lực phục hồi khu xóm đang tiến triển trong những vùng đã bị tàn phá bởi sự thất bại của Hệ Thống Bảo Vệ chống Bão. Nhân viên của RPC đã cung cấp hỗ trợ kỹ thuật đáng kể cho nhân viên hoạch định từ ngoài khu vực trong khi dùng những buổi lắng nghe khu xóm của họ như là một đường dẫn để phân phối tin tức về những hoạt động hoạch định chuyển vận và thu thập ý kiến từ những cộng đồng bị ảnh hưởng.

PHÂN PHỐI TÀI LIỆU CHO CÔNG CHÚNG XEM XÉT

Những bản sao của dự thảo TIP sẽ được để tại những văn phòng và thư viện trên khắp khu vực đô thị bắt đầu từ tháng Mười Hai, mùng 2, năm 2008 cho công chúng xem xét, đóng góp và nhận xét. Công chúng cũng sẽ có cơ hội để bày tỏ ý kiến của họ trực tiếp đến Ủy Ban Chinh Sách Giao Thông (Transportation Policy Committeee) tại buổi họp tháng Giêng, ngày mồng 3, năm 2009 của họ trước khi có hành động chính thức về tài liệu TIP.

BẢN ĐỒ CỦA KHU VỰC TỔ CHỨC HOẠCH ĐỊNH THÀNH PHỐ (MPO)

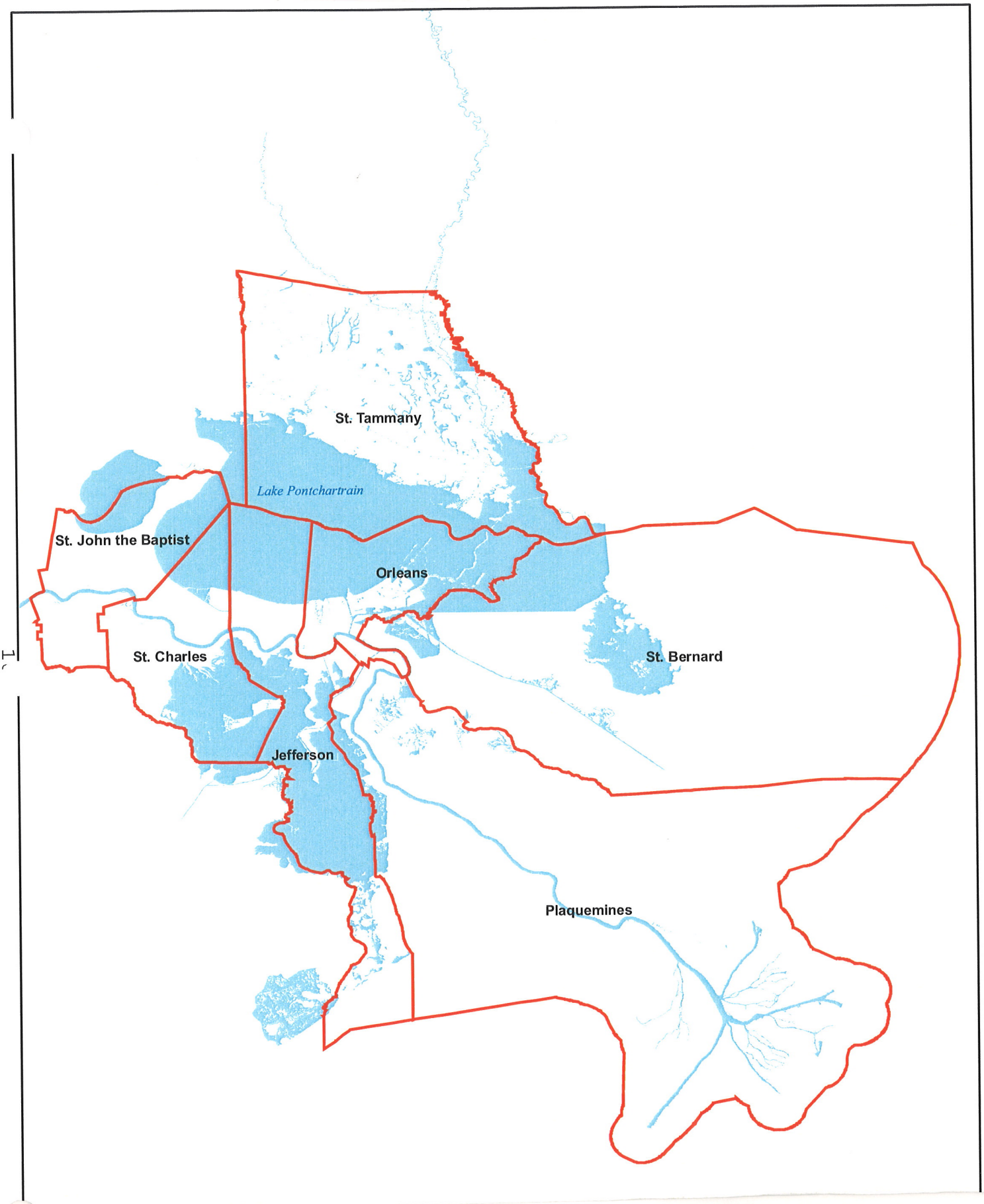

NHỮNG ĐỀ ÁN ĐƯỢC CHẤP THUẬN ĐỂ XÂY CẤT

Số Đề án	Đường & Mô tả	Loại Cải tiến	Nguồn Tài trợ	Ngày Chấp thuận	Tổn phí
PHƯỜNG JEFFERSON					
744-26-0026	Cải tiến Tín hiệu ở Terrytown	Cải tiến	STP ENH	10-06	28,637
282-01-0019	LA 48, Đường số 3. (Ranh giới LA 49 – Phường St. Charles)	Chà lạnh và Che phủ	STP FLEX	02-07	1,177,286
006-01-0018	Cầu Huey P. Long	Mở rộng, Phục hồi	TIMED	06-07	452,605,568
423-01-0025	Cầu LA 3046 trên US 90	Phục hồi	FBRON	07-07	4,147,981
			Tài Khóa 2007		**457.959,472**
826-03-0012	Clearview/Earhart	Cải tiến thoát nước	DEMO	10-07	4,831,575
826-38-0009	LA 3018 Destrehan Ave. (LA 18 – Patriot)	Che phủ	Quỹ Tiểu bang.	10-07	501,676
826-38-0010	LA 3018 (Destrehan Ave. (LA 18 – Patriot)	Cải tiến thoát nước	Tiền mặt Tiểu bang	10-07	394,525
826-44-0030	LA 3154 Hickory St. (Jefferson – Dufrene)	Chà lạnh và Che phủ	STP FLEX	10-07	815,763
062-01-0025	LA 23 Belle Chasse/Behrman	Cải tiến Dấu hiệu	Quỹ Tiểu bang	11-07	2,619,159
063-03-0052	LA 18 (LA 45 – LA 185)	Che phủ nhỏ	STP FLEX	11-07	957,542
704-36-0079	Whitney (Mardi Gras – Patterson)	Phục hồi (GĐ 1)	ER 100	12-07	1,814,908
006-01-0021	US 90 (Mở rộng cầu Huey P. Long)	Phục hồi	TIMED	03-08	433,950,000
063-02-0053	LA 18 Barataria (Điểm nối Bặc của Đường số 4-Điểm nối Nam của Đường số 4)	Trải Nhựa đường	Che phủ	06-08	210,081
249-01-0053	LA 45 Đại lộ Barataria (LA 541 – Đại lộ Ames)	Phục hồi Bê tông	Che phủ	06-08	1,440,920
826-49-0001	LA 5602 Barataria Blvd. (LA 18 – LA 541)	Rải Nhựa đường	Che phủ	06-08	130,587
742-26-0044	Khúc nối của Đại lộ Harvey (Ranh giới Phường Wall)	Mặt bê tông mới	STP>200K	07-08	8,172,223
063-03-0053	LA 18 (West Dr. – US 90)	Che phủ	Quỹ tiểu bang	08-08	1,587,724
450-15-0100	I-10 ở Đại lộ Causeway, Giai đoạn 1	Sửa đổi Giao điểm	NHS; Quỹ tiểu bang	08-08	32,555,213
450-15-0034	I-10	Thay Dấu hiệu Mặt đường.	IM	08-08	919,812
742-26-0054	Lapalco (B. Fatma – Đại lộ Brooklyn)	Che phủ	STP>200K	09-08	1,367,087
826-47-0003	LA 428 (Ranh giới Phường Orleans – Franklin)	Che phủ	STP FLEX	09-08	152,879
			Tài Khóa 2008		**492,421,674**

Số Đề án	Đường và Mô tả	Loại Cải tiến	Nguồn Tài trợ	Ngày Chấp thuận	Tổn phí
PHƯỜNG ORLEANS					
006-90-0090	US 90	Thoát nước	Tiền mặt Tiểu bang	10-06	198,962
742-36-0116	Đại lộ Fleur De Lis, Giai đoạn I	Tái thiết	STP>200K	11-06	3,441,969
283-08-0160	US 90	Sửa Điện ở cầu CCC	ER 100	12-06	269,011
046-02-0021	LA 46, Điểm nối LA 39 – Phường St. Bernard	Chà Lạnh và Che phủ	STP FLEX, STP>200K	01-07	3,796,208
018-01-0028	US 11 (US 90 tới I-10)	Chà Lạnh và Che phủ	STP FLEX	02-07	2,724,529
006-03-0054	US 90 Đường Broad (Đại lộ Tulane – Đại lộ Orleans)	Chà Lạnh và Che phủ	NHS	03-07	989,117
704-36-0022	I-10/I-610	Tường cản tiếng và Hàng rào	ER100	03-07	204,040
713-36-0103	Thay Cầu	Thay thế	FBR OFF, Local	04-07	3,819,844
737-92-0063	Kẻ lằn Ngã tư	Kẻ lằn	Tiền mặt Tiểu bang	04-07	122,982
737-92-0035	N.O. Vùng TMC	Xây dựng	Demo, STP>200K, STPFLEX	06-07	12,400,000
744-36-0004	Đại lộ Wisner. Lối Đi Xe đạp	Lối Đi Xe đạp	STP ENH	06-07	1,379,821
836-08-0072	Cầu ở khúc cắt ngang LA 407 Algiers	Đèn	STP>200K	07-07	888,750
742-36-0109	Robert E. Lee (Elysian Fields – Sân Wick)	Phục hồi Bê tông	STP>200K	08-07	7,289,451
			Tài Khóa 2007		**37,524,684**
006-03-0052	US 90 (Đường Jefferson – S. Carrollton)	Chà Lạnh và Che phủ	Quỹ Tiểu bang	10-07	1,434,593
450-43-0078	Cầu I-510 ICWW – I-10	Chà Lạnh và Che phủ	Quỹ Tiểu bang	12-07	3,264,698
450-90-0213	I-10 (Dwyer – Morrison)	Cải tiến Thoát nước	Quỹ Tiểu bang	12-07	1,478,001
704-36-0031	Marconi Blvd. (Robert E. Lee – NS)	Phục hồi, Giai đoạn 1	ER100	12-07	1,109,938
704,36-0071	Crowder Rd. (Dwyer – US 90)	Phục hồi, Giai đoạn1	ER100	12-07	1,059,505
704-36-0026	Tường cản tiếng I-10/I-610	Sơn Tường cản tiếng	ER100	01-08	274,930
450-34-0092	I-610 (Marconi – St. Bernard)	Cải tiến Thoát nước	Tiền mặt Tiểu bang	03-08	138,000
450-90-0120	Trạm Bơm Pontchartrain	Sửa chữa Bão Katrina	ER100	04-08	1,373,735
006-90-0094	Cải tiến Thoát nước US 90	Cải tiến Thoát nước	Tiền mặt Tiểu bang	06-08	455,891
450-34-0093	Thay Dấu hiệu Mặt đường I-610	Kẻ lằn	IM	06-08	271-948
450-90-0218	Thay Dấu hiệu Mặt đường I-10	Thay Dấu hiệu Mặt đường	IM	08-08	21,500
007-01-0023	US 61 Airline Dr., (N. Broad – Labarre Rd.)	Chà Lạnh và Che phủ	STP FLEX	09-08	4,337,248
704-36-0033	Robert E. Lee Blvd. (St. Bernard – Par.)	Phục hồi (GĐ1 SRP)	ER100	09-08	1,406,485
704-36-0061	Press St. (US 90 – Robert E. Lee Blvd.)	Phục hồi (GĐ1 SRP)	ER100	09-08	2,132,897
704-36-0076	Wisner (Robert E. Lee – Esplanade)	Phục hồi (GĐ1 SRP)	ER100	09-08	3,523,505
737-99-0545	New Orleans ITS (Triển khai Northshore)	N.O. Tạm thời TMC, GĐ2	NHS	09-08	7,624,975
			Tài Khóa 2008		**29,907,849**

Số Đề án	Đường và Mô tả	Loại Cải tiến	Nguồn Tài trợ	Ngày Chấp thuận	Tổn phí
PHƯỜNG PLAQUEMINES					
062-02-0109	LA 23	Cải tiến Đường giữa	STP ENH	01-07	532,881
838-01-0008	Đường Engineers	Phục hồi Bê tông	STP FLEX	03-07	2,508,263
			Tài Khóa 2007		**3,041,144**
713-38-0001	Cầu Kênh Doullut	Thay thế	FBROFF	11-07	10,932,563
062-04-0031	LA 23 (W. Point-A-La-Hache – CSLM 5.86)	Chà Lạnh và Che phủ	Quỹ Tiểu bang	12-07	3,487,561
704-38-0011	Vét Khẩn cấp Kênh Ostrica	Vát Khẩn cấp	FEMA	12-07	1,058,050
704-38-0007	LA 23 Sửa Vĩnh viễn	Sửa Bờ chặn	ER100	02-08	893-925
742-38-0003	Harvey Blvd. Ext.	Trải Bê tông Mới	STP>200K	07-08	3,954,072
838-01-0006	LA 3017 Khúc nối Đại lộ Harvey	Trải nhựa Rộng hơn và Che phủ	STP>200K	07-08	1,113,353
			Tài Khóa 2008		**21,439,524**
PHƯỜNG ST. BERNARD					
046-03-0070	LA 46 (Xa lộ St. Bernard)	Cải tiến Thoát nước	Quỹ Tiểu bang	12-07	3,004,254
844-05-0004	LA 3238 (LA 46 – LA 39)	Che phủ bằng nhựa đường	Quỹ Tiểu bang	12-07	337,482
704-44-0003	LA 300 Sửa Khẩn cấp Bờ chặn	Sửa Bờ chặn	ER100; FEMA	01-08	364,071
			Tài Khóa 2008		**3,705,807**

Số Đề án	Đường và Mô tả	Loại Cải tiến	Nguồn Tài trợ	Ngày Chấp thuận	Tổn phí
PHƯỜNG ST. CHARLES					
450-14-0071	I-10 (Đường St. John – Đại lộ Causeway)	Kẻ lằn và Rải mặt Dấu hiệu	Tiền mặt Tiểu bang	03-07	492-678
007-03-0052	US 61 – Thoát nước Hồ Clayton	Cải tiến Thoát nước	Tiền mặt Tiểu bang	04-07	244,844
428-03-0012	LA 3127 (LA 3141 – I-310)	Chà lạnh và Che phủ	STP FLEX; STP HAZ	05-07	1,849,114
845-09-0010	LA 632 (LA 306 – LA 631)	Che phủ	Quỹ Tiểu bang	06-07	1,236,519
			Tài Khóa 2007		**3,823,155**
450-36-0033	I-310 (I-10 – Khúc cuối Bắc Sông Miss.)	Chà Lạnh và Che phủ	Quỹ Tiểu bang	12-07	876,503
005-08-0051	Cầu US 90 Des Allemands	Sửa mảnh sàn cầu	FBRON	06-08	593,902
450-38-0022	I-310 (Cầu Khúc Cuối Nam Sông Miss – US 90)	Chà Lạnh và Che phủ	IM	07-08	2,180,077
845-18-0011	LA 3060 (US 90 – LA 18)	Chà Lạnh và Che phủ	Che phủ	07-08	926,153
282-30-0015	LA 627 (LA 48 – US 61)	Bịt lại	Tiền mặt Tiểu bang	08-08	114,186
282-31-0016	LA 626 (LA 48 – US 61)	Bịt lại	Tiền mặt Tiểu bang	08-08	287,854
845-19-0003	LA 3141 (LA 3127 – LA 18)	Bịt chỗ nứt mẻ	Tiền mặt Tiểu bang	08-08	166,373
845-20-0007	LA 3142 (LA 3127 – LA 18)	Bịt chỗ nứt mẻ	Tiền mặt Tiểu bang	08-08	184,144
			Tài Khóa 2008		**5,329,192**
PHƯỜNG ST. JOHN					
007-04-0049	US 61 (Đường Phường St. Charles – CSLM 2)	Vá, Chà Lạnh, Che phủ	Quỹ Tiểu bang	11-07	1,212,076
450-13-0047	I-10 (Đường Phường St. James – Kênh Thoát Trừ bị)	Che phủ	IM	05-08	9,649,580
			Tài Khóa 2008		**10,861,656**

ỦY BAN CỐ VẤN KỸ THUẬT

PHƯỜNG JEFFERSON

Ông Jay Hebert
Giám đốc, Bộ Hoạch định
Thành phố Kenner
1801 Williams Blvd.
Kenner, LA 70062
Điện thoại: 504-468-7280
Fax: 504-468-7587
Email: planning@kenner.la.us

Ông Mark Drewes
Giám đốc, Văn phòng Kỹ sư
Bộ Công chánh
Hạt Jefferson
1221 Elmwood Park Blvd., Suite 802
Jefferson, LA 70123
Điện thoại: 504-736-6512
Fax: 504-736-6739
Email: mdrewes@jeffparish.net

Ông Ed Durabb
Giám đốc, Bộ Hoạch định
Phường Jefferson
1221 Elmwood Park Blvd., Suite 601
Jefferson, LA 70123
Điện thoại: 504-736-6320
Fax: 504-736-6343
Email: edurabb@jeffparish.net

Ông Mike Quigley
Phó Trưởng Phòng Hành chánh
Thành phố Kenner
1801 Williams Blvd.
Kenner, LA 70062
Điện thoại: 504-468-4090
Email: mquigley@kenner.la.us

Ông Jose Gonzalez
Giám đốc, Bộ Công Chánh.
Phường Jefferson
1221 Elmwood Park Blvd., Suite 802
Jefferson, LA 70123
Điện thoại: 504-736-6784
Fax: 504-731-4499
Email: jgonzalez@jeffparish.net

Bà Susan Percle
CAO, Thành phố Gretna
Tòa Thị Sảnh Gretna
Post Office Box 404
Gretna, LA 70054
Điện thoại: 504-363-1507
Fax: 504-363-1509
Email: cao@gretnala.com

Ông Ryan Brown
Điều phối viên Giao thông, Bộ Dân vụ
Quản trị Giao thông Jefferson
21 Westbank Expressway
Gretna, LA 70053
Điện thoại: 504-364-3450
Fax: 504-364-3453
Email: RDBrown@jeffparish.net

Bà Karleene Smith
GCR & Associates
2021 Lakeshore Dr., Suite 500
New Orleans, LA 70122
Điện thoại: 504-304-0727

Fax: 504-302-2525
Email: ksmith@gcr1.com

PHƯỜNG ORLEANS

Ông Elmer Darwin, P.E.
Kỹ sư Giao thông
Thành phố New Orleans
Bộ Công Chánh
1300 Perdido St., Rom 6W02
New Orleans, LA 70112
Điện thoại: 504-658-8040
Fax:
Email:

Ông Robert Mendoza
Giám đốc, Bộ Công Chánh
Thành phố New Orleans
1300 Perdido St., Room 6W02
New Orleans, LA 70112
Điện thoại: 504-658-8000
Fax: 504-658-8007
Email: rmendoza@cityofno.com

Bà Yolanda Rodriguez
Giám đốc,
Hội đồng Hoạch định Thành phố New Orleans
1300 Perdido Street, Ninth Floor
New Orleans, LA 70112
Điện thoại: 504-658-7000
Fax: 504-658-7032
Email: ywrodriguez@cityofno.com

Ông Mike Major
Tổng Giám đốc
Thẩm quyền Giao thông Vùng
2817 Canal St.
New Orleans, LA 70119
Điện thoại:
Fax:
Email: mmajor@norta.com

Ông Pat Judge
Giám đốc, Công vụ
Thẩm quyền Giao thông Vùng
2817 Canal St.
New Orleans, LA 70119
Điện thoại:
Fax:
Email: patjudge@att.net
pjudge@norta.com

PHƯỜNG PLAQUEMINES

Ông Ken Dugas
Kỹ sư Phường
Phường Plaquemines
102 Avenue G
Belle Chasse, LA 70037
Điện thoại: 504-297-5343
Fax: 504-297-5340
Email: ken_dugas@plaqueminesparish.com

Ông Andy MacInnes
Quản lý GIS/Quản trị Vùng Ven biển
Phường Plaquemines
106 Avenue G
Belle Chasse, LA 70037
Điện thoại: 504-297-5320
Fax: 504-297-5325
Email: andrew_macinnes@cmaaccess.com

PHƯỜNG ST. BERNARD

Ông Lonnie Campbell
Quản lý Giao Thông
Giao thông St. Bernard
8201 West Judge Perez Drive
Chalmette, LA 70043
Điện thoại: 504-277-1907
Fax:
Email:

Ông Jerry Graves, Jr.
Giám đốc, Bộ Phát triển Cộng đồng
Phường St. Bernard
8201 West Judge Perez Dr.
Chalmette, LA 70043
Điện thoại: 504-278-4310
Fax: 504-278-4298
Email: jgraves@sbpg.net

Bà Linda Daly, P.E.
Giám đốc, Bộ Công chánh
Phường St. Bernard
8201 West Judge Perez Dr., Rm. 240
Chalmette, LA 70043
Điện thoại: 504-278-4317
Fax: 504-278-4480
Email: ldaly@sbpg.net

PHƯỜNG ST. TAMMANY

Bà Nahketah Bagby
Hoạch định viên Thành phố
Thành phố Covington
609 N. Columbia Street
Covington, LA 70433
Điện thoại: 985-898-4725
Fax: 985-898-4738
Email: nbagby@covla.com

Ông Randy Clement
Giám đốc Hoạch định
Thành phố Slidell
Post Office Box 828
Slidell, LA 70459
Điện thoại: 985-646-4320
Fax: 985-646-4356
Email: rclement@cityofslidell.org

Ông David deGeneres
Giám đốc, Bộ Công chánh
Thành phố Mandeville
1100 Mandeville High Blvd.
Mandeville, LA 70448
Điện thoại: 985-624-3169
Fax:
Email:

Ông Sidney Fontenot
Giám đốc Hoạch định
Phường St. Tammany
Post Office Box 628
Covington, LA 70434
Điện thoại: 985-898-2529
Fax: 985-898-3003
Email: sidf@stpgov.org

Bà Louisette L. Kidd
Giám đôc Hoạch định và Phát triển
Thành phố Mandeville
3101 East Causeway Approach
Mandeville, LA 70448
Điện thoại: 985-624-3101
Fax: 985-626-7929
Email: lkidd@cityofmandeville.com

Ông Tommy Mayronne
Giám đốc, Bộ công chánh
Thành phố Covington
1300 W. 27th Avenue
Covington, LA 70433
Điện thoại: 985-898-4710
Fax: 985-898-4729
Email: tmayronne@covla.com

Ông William Oiler
Trưởng Phòng Hành chánh
Phường St. Tammany
Post Office Box 628
Covington, Louisiana 70434
Điện thoại: 985-898-2445
Fax: 985-875-2603
Email:

Ông Joe Shoemaker
Bộ Công chánh
Phường St. Tammany
21490 Koop Dr.
Mandeville, LA 70471
Điện thoại: 985-898-2557
Fax:
Email:

Ông Shannon Davis
Giám đốc, Bộ Công chánh
Phường St. Tammany
21490 Koop Dr.
Mandeville, LA 70471
Điện thoại: 985-898-2557
Fax: 985-898-2549
Email: shannondavis@stpgov.org

Bà Erin Stair
Hoạch định viên Chuyển vận
Phường St. Tammany
Post Office Box 628
Covington, LA 70434
Điện thoại:
Fax:
Email:

PHƯỜNG ST. CHARLES

Ông Sam Scholle
Giám đốc, Bộ Công chánh
Phường St. Charles
Post Office Box 705
Luling, LA 70070
Điện thoại: 985-783-5102
Fax:
Email: sscholle@stcharlesgov.net

Ông Tim Vial
Trưởng Phòng Hành chánh
Phường St. Charles
Post Office Box 302
Hahnville, LA 70057
Điện thoại: 985-783-5000
Fax: 985-783-2067
Email: tvial@stcharlesgov.net

Bà Kimberly Marousek
Giám đốc, Bộ Hoạch định và Phân khu
Phường St. Charles
Post Office Box 302
Hahnville, LA 70057
Điện thoại: 985-783-5060
Fax: 985-783-6447
Email: kmarousek@stcharlesgov.net

PHƯỜNG ST. JOHN

Ông Mark Howard
Giám đốc, Bộ Công chánh
Phường St. John
1801 West Airline Highway
Laplace, LA 70068
Điện thoại: 985-652-9569
Fax:
Email: m.howard@sjbparish.com

Pat McTopy
Trưởng Phòng Hành chánh
Phường St. John
1801 West Airline Highway
Laplace, LA 70068
Điện thoại: 985-652-9569
Fax:
Email: chiefadmin@sjbparish.com

BỘ CHUYỂN VẬN VÀ PHÁT TRIỂN LA.

Bà Donna Lavigne
Quản trị viên Chuyển vận Công cộng
Bộ Chuyển vận và Phát triển La.
Post Office Box 94245
Baton Rouge, LA 70804-9245
Điện thoại: 225-274-4302
Fax: 225-274-4314
Email: donnalavigne@dotd.la.gov

Ông Dan Magri, P.E.
Kỹ sư An toàn Lưu thông
Bộ Chuyển vận và Phát triển La.
Post Office Box 94245
Baton Rouge, LA 70804-9245
Điện thoại: 225-379-1871
Fax: 225-379-1807
Email: danmagri@dotd.la.gov

Ông Mike Schiro, PE
Quản trị viên Hoạch định Chuyển vận
Bộ Chuyển vận và Phát triển La.
Post Office Box 94245
Baton Rouge, LA 70804
Điện thoại: 225-379-1956
Fax: 225-379-1802
Email: mikeschiro@dotd.la.gov

Mr. Mike Stack
Quản trị viên Quận, Quận 02
Bộ Chuyển vận và Phát triển La.
Post Office Box 9180
Bridge City, LA 70094
Điện thoại: 504-437-3100
Fax: 504-437-3260
Email: MikeStack@dotd.la.gov

Bà Connie Standige
Quản trị viên Quận, Quận 62
Bộ Chuyển vận và Phát triển La.
685 N. Morrison Road
Hammond, LA 70401
Điện thoại: 985-375-0100
Fax: 985-375-0260
Email: ConnieStandige@dotd.la.gov

Ông Steve Strength, PE
Kỹ sư Lưu thông, Quận 2
Bộ Chuyển vận và Phát triển La.
Post Office Box 9180
Bridge City, LA 70094
Điện thoại: 504-437-3100
Fax: 504-437-3260
Email: SteveStrength@dotd.la.gov

= = = = = = = = =

Ông Jim Bridger
Tổng Giám đốc
Đường rầy Công cộng New Orleans
4822 Tchoupitoulas
New Orleans, LA 70115
Phone: 504-896-7410
Fax: 504-896-7419
Email: JimB@nopb.com

Ông John a. LeBlanc
Giám đốc Chấp hành
Hội đồng An toàn Xa lộ Louisiana
Post Office Box 66336
Baton Rouge, LA 70896
Điện thoại: 225-925-6991
Fax: 225-922-0083
Email:

Ông Patrick Gallwey
Giám đốc Điều hành
Cảng New Orleans
Post Office Box 60046
New Orleans, LA 70160
Điện thoại: 504-528-3305
Fax: 504-528-3397
Email: patg@portno.com

Bà Cathy Gautreaux
Giám đốc Chấp hành
Louisiana Motor Transportation Assoc.
4838 Bennington Ave.
Baton Rouge, LA 70808
Điện thoại: 225-928-5682
Fax: 225-928-0500
Email:

Sean Hunter
Giám đốc Hàng không
Ủy ban Hàng không New Orleans
Post Office Box 20007
New Orleans, LA 70141
Điện thoại: 504-464-3536
Fax:
Email: seanh@flymsy.com

Bà Beth Inbau
Chủ tịch và Giám đốc Chấp hành
Hội đồng An toàn Quốc gia
Phân Cục Nam Louisiana
Post Office Box 858
Kenner, LA 70063
Điện thoại: 504-888-7618
Fax: 866-698-1685
Email: beth@metrosafety.org

Ông Michael Hecht
Chủ tịch và Giám đốc Chấp hành
Greater New Orleans, Inc.
325 Canal St., Ste. 2300
New Orleans, LA 70130
Điện thoại: 504-527-6907
Fax: 504-527-6970
Email: mhecht@gnoinc.org

Ông Robert Lambert
Tổng Giám đốc
Greater New Orleans Expressway Comm.
Post Office Box 7656
Metairie, LA 70010
Điện thoại: 504-835-3118
Fax: 504-835-2518
Email:

Bà Peggy Olivier
Quyền Giám đốc Chấp hành
Đoạn nối Crescent City
Bộ Chuyển vận và Phát triển La.
Post Office Box 6297
New Orleans, LA 70174
Điện thoại: 504-376-8100
Fax: 504-376-8189
Email: peggyolivier@dotd.la.gov

Bà Genevieve Smith
Hoạch định viên Giao thông
Federal Highway Administration
5304 Flanders Dr., Ste. A
Baton Rouge, LA 70808
Điện thoại: 225-757-7622
Fax: 225-757-7601
Email: genevieve.smith@fhwa.dot.gov

Bà Laura Wallace
Hoạch định viên Cộng đồng
Quản trị Giao thông Liên bang
819 Taylor St., Rm. 8A36
Ft. Worth, TX 76102
Điện thoại: 817-978-0561
Fax:
Email: laura.wallace@dot.gov

BẢN ĐỒNG CHỨNG THỰC TIẾN TRÌNH HOẠCH ĐỊNH THÀNH PHỐ

Hội Đồng Hoạch Định Vùng dưới đây chứng thực rằng tiến trình hoạch định chuyển vận đang đáp ứng những vấn đề lớn mà những khu vực thành thị hóa của New Orleans phải đương đầu và tiến trình này được tiến hành chiếu theo tất cả những điều kiện thích nghi của:

1. Những đạo luật 23 U.S.C. 134, 49 U.S.C. 5303, và tiểu phần này;
2. Những khu vực không đạt được và bảo trì, đoạn 174 và 176 (c) và (d) của Đạo luật Không khi Sạch, như được tu chính (42 U.S.C. 7504, 7506(c) và (d)) và 40 CFR phần 93;
3. □ề VI □ạo luật Dân quyền của 1964 như được tu chính (42 U.S.C. 2000d-1) và 49 CFR phần 21;
4. □ạo luật 49 U.S.C. 5332, cấm việc kỳ thị dựa trên căn bản chủng tộc, màu da, giống, quốc gia gốc, giới tính, hay tuổi trong công việc hay thương mãi;
5. □oạn 1101(b) của Đạo luật SAFETEA-LU (Pub. L. 109-59) và 49 CFR phần 26 về sự liên quan của những doanh nghiệp thất thế trong những đề án tài trợ bởi Bộ Chuyển vận Liên bang (US DOT);
6. □iều lệ 23 CFR phần 230, về sự thực thi một chương trình cơ hội có việc công bằng trong hợp đồng xây cất xa lộ Liên bang và xây cất xa lộ có tài trợ Liên bang;
7. Những điều khoản của Đạo luật Người Hoa kỳ bị Khuyết tật của năm 1990 (42 U.S.C. 12101 *et seq.*) và 49 CFR phần 27, 37, và 38;
8. □ạo luật Người Hoa kỳ Lớn tuổi, như được tu chính (42 U.S.C. 6101), cấm việc kỳ thị dựa trên tuổi trong những chương trình hay sinh hoạt được hưởng tài trợ Liên bang;
9. □oạn 324 của đề 23 U.S.C. về việc cấm kỳ thị dựa trên giới tính; và
10. □oạn 504 của Đạo luật Phục hồi của năm 1973 (29 U.S.C. 794) và 49 CFR phần 27 về sự kỳ thị những người bị khuyết tật.

_____	_____
William Ankner, Tiến sĩ, Thư ký Bộ Chuyển vận và Phát triển Louisiana	C. Ray Nagin, Chủ tịch Hội đồng Hoạch định Vùng
_____	_____
Ngày	Ngày

CHÚ GIẢI NHỮNG TỪ NGỮ

SỐ ĐỀ ÁN – Số chính thức của Đề án Tiểu bang dùng để chỉ định một giai đoạn làm việc rõ rệt như là kỹ thuật hóa, ưu tiên hay xây cất.

ĐƯỜNG TIỂU BANG - Số chính thức của Đường Liên bang hay Tiểu bang.

TÊN ĐỀ ÁN - Được dùng đồng thời với Số Đường Tiểu bang để định rõ giới hạn của đề án.

GIAI ĐOẠN – Cho thấy giai đoạn rõ rệt của đề án để thăng tiến, như sau: R/W = nghiên cứu quyền ưu tiên; C = xây cất; PE = kỹ thuật hóa sơ khởi; E = thiết kế và kỹ thuật hóa cuối cùng; OLY = đề án che phủ; U = công việc xây hệ thống tiện nghi; ACQ = thu giành quyền ưu tiên; SDY = nghiên cứu kỹ thuật; Rehab = phục hồi; Drng = công việc thoát nước; ENV = giám định môi sinh.

TỔN PHÍ ƯỚC ĐỊNH - Tổng số tổn phí ước định cho giai đoạn của đề án hay công việc cần đảm trách

NGUỒN TÀI TRỢ - Nguồn Tài trợ cho biết nguồn của những quỹ nào thiết thực nhất được dùng để thi hành giai đoạn của đề án. Những Nguồn Tài trợ ghi trong Chương Trình Cải Tiến Chuyển Vận gồm có:

STP	***Chương trình Chuyển vận Mặt đường*** Quỹ tài trợ chọn bởi một MPO cho những đề án nằm trong khu vực thành phố của họ trên đường không thuộc tiểu bang.
STP ENH	Những Nâng cấp Chuyển vận
STP FLEX	Tài trợ Liên bang được chương trình hóa cho toàn tiểu bang theo tiến trình giám định nhu cầu bởi DOTD
STP<200K	Tài trợ Liên bang cho những khu vực thành thị với dân số dưới 200,000 người
STP HAZ	Tài trợ Liên bang để giải trừ những rủi ro và cải tiến an toàn.
NHS	***Hệ thống Xa lộ Quốc gia***
IM	***Bảo trì Thông Bang***
OLY	***Che Phủ***
NHS	***Hệ thống Xa lộ Quốc gia***
FBR	*Thay thế Cầu Liên bang*
TIMED	*Mẫu Hạ tầng Cơ sở Chuyển vận để Phát triển Kinh tế* (Quỹ thuế xăng tiểu bang)

Chương Trình Cải Tiến Chuyển Vận

Vùng New Orleans - Tài Chánh được Kềm chế

Tài Khóa 09 – Tài Khóa 10 Những đề án ARRA (Đạo luật Phục hồi và Tái Đầu tư Hoa kỳ)

Số Đề án	Đường	Mô tả Đề án	Hạt	Đề nghị Cải tiến	Giai đoạn Làm việc	Ước định tổn phí với Lạm phát	Phần Liên bang	Nguồn Tài trợ
046-03-0076	LA 46	Xa lộ LA 46/St. Bernard (Orleans PL - Đường Paris)	St. Bernard	Cải tiến thoát nước an toàn	C	1,100,000	1,100,000	ARRA=(0.7); Demo=(0.4)
428-03-0013	LA 3127	Logmile 9.7 - I-310)	St. Charles	Tái trải và che phủ	C	1,800,000	1,800,000	ARRA
450-15-0103		I-10 ở Đại lộ Causeway, Giai đoạn 2	Jefferson	Sửa đổi giao điểm	C	75,600,000	75,600,000	ARRA
450-90-0230	I-10	I-10 (Cao ốc - I-510)	Orleans	Làm rào, An toàn, Làm đẹp	C	1,800,000	1,800,000	ARRA
742-26-0053		Lapalco (Manhattan - Bayou Fatma)	Jefferson	Tái trải và che phủ	C	1,200,000	1,200,000	ARRA
742-36-0008		Earhart (Hamilton - Fern), Giai đoạn 1	Orleans	Tái thiết	C	12,200,000	11,540,000	ARRA=(8.9); STP>200K=(2.6)
742-36-0117		Fleur De Lis (Đại lộ Veterans- Đường Số 30.)	Orleans	Tái thiết	C	11,100,000	11,100,000	ARRA
744-45-0007		Đề án lối đi đa dụng Westbank	St. Charles	Cải tiến lối đi xe đạp/bộ hành	C	1,000,000	1,000,000	ARRA
838-03-0024 838-06-0003		Xa lộ Woodland. (LA 406), GĐ 2	Plaquemines	Làm rộng	C	3,600,000	3,600,000	ARRA
Nhiều		Cải tiến liên hệ đến Chương trình đường bị Ngập.	Jefferson, Or., St. Ber.	Cải tiến lề đường, lối đi xe đạp Cải tiến vườn cây cỏ	C	11,100,000	11,100,000	ARRA

*Đạo luật Phục hồi và Tái đầu tư Hoa kỳ (ARRA) được ký thành luật vào ngày 17 tháng hai, 2009. Quỹ tài trợ Liên bang có thể đi tới 100%. Những đề án phải bắt buộc/ban hành để Xây cất trước ngày 4 tháng ba, 2010.

Chương Trình Cải Tiến Chuyển Vận

Vùng New Orleans - Tài Chánh được Kềm chế

Tài Khóa 09 (10/1/08 - 9/30/09)

Số Đề án	Đường	Mô tả Đề án	Hạt	Đề nghị Cải tiến	Giai đoạn Làm việc	Ước định tổn phí với Lạm phát	Phần Liên bang	Nguồn Tài trợ
000-09-DEMO		Những Đề án Biểu trưng Khác nhau	Toàn Quận	Thay đổi tổn phí Kỹ thuật hóa, ROW và xây những Tiện ích	E/ROW/U	1,000,000	800,000	Demo
063-04-0034	LA 18	US 90 tới Bãi tàu Avondale	Jefferson	Mở rộng thành 4 lằn	C	5,121,000	4,096,800	Demo
700-36-0187		US 61 Kế hoạch Hành lang	Jefferson, Orleans	Kế hoạch Hành lang	SDY	200,000	160,000	Demo
700-36-0193		Carrollton (US 61 tới US 90)	Orleans	Phục hồi	C	1,250,000	1,000,000	Demo; Cộng vời ER
736-36-0047		US 61 @ Ngã tư Clearview	Jefferson	Nghiên cứu Môi sinh	ENV	660,000	528,000	Demo
737-36-0007		Công viên Thành phố (Công viên Tricentennial)	Orleans	Cải tiến Đường/Chỗ đậu	C	1,077,000	781,000	Demo=781K; Địa phương=216K
839-39-0090	LA 302	Cầu Bayou Barataria - Lafitte	Jefferson	Thay cầu	E	2,000,000	1,600,000	Demo
				Tổng số	**Demo**	**11,308,000**	**8,965,800**	
704-44-0013		Patricia St. (Jean Lafitte tới Cougar)	St. Bernard	Phục hồi. (GĐ 1 SRP)	C	1,000,000	1,000,000	E-R
704-44-0014		Rowley St. (LA 46 - LA 39)	St. Bernard	Phục hồi. (GĐ 1 SRP)	C	1,000,000	1,000,000	E-R
				Tổng số	**E-R**	**2,000,000**	**2,000,000**	

Chương Trình Cải Tiến Chuyển Vận

Vùng New Orleans - Tài Chánh được Kềm chế

Tài Khóa 09 (10/1/08 - 9/30/09)

Số Đề án	Đường	Mô tả Đề án	Hạt	Đề nghị Cải tiến	Giai đoạn Làm việc	Ước định tổn phí với Lạm phát	Phần Liên bang	Nguồn Tài trợ
450-90-0215		Thay những cây cỏ bị hư	Orleans	Cải tiến	C	909,000	909,000	E-R100
704-26-0008		Nhà của Điều hành viên Cầu Lapalco	Jefferson	Sửa chữa vì Katrina	C	99,000	99,000	E-R100
704-26-0011		Live Oak Blvd. (US 90 tới Willswood)	Jefferson	Sửa chữa vì Katrina	C	1,000,000	1,000,000	E-R100
704-26-0015		Xa lộ Old Hammond. (17th St. tới Carrollton)	Jeferson	Sửa chữa vì Katrina	C	1,000,000	1,000,000	E-R100
				Tổng số E-R100		**3,008,000**	**3,008,000**	
064-01-0040		LA 1 (Những Cầu Vịnh Caminada)	Jefferson	Thay cầu	C	45,690,000	44,490,000	FBR
450-37-0022		Cầu Sông Mississippi	St. Charles	Thay Giây cáp Neo	C	28,453,000	22,762,000	FBR
713-02-FY09		Thay Cầu không trong Hệ thống (Quận 02)	Toàn Quận	Thay Cầu không trong Hệ thống	C	2,200,000	1,760,000	FBR
				Tổng số FBR		**76,343,000**	**69,012,000**	
713-36-0100		Cầu Park Island	Orleans	Thay Cầu	C	1,257,000	955,000	FBROFF=955K; Địa phương=302K
				Tổng số FBROFF		**1,257,000**	**955,000**	

Chương Trình Cải Tiến Chuyển Vận

Vùng New Orleans - Tài Chánh được Kềm chế

Tài Khóa 09 (10/1/08 - 9/30/09)

Số Đề án	Đường	Mô tả Đề án	Hạt	Đề nghị Cải tiến	Giai đoạn Làm việc	Ước định tổn phí với Lạm phát	Phần Liên bang	Nguồn Tài trợ
450-34-0083	I-610	I-10 Tây - I-10 Đông	Orleans	Bảng hiệu Giữa những Tiểu bang	C	720,000	648,000	IM
				Tổng số IM		**720,000**	**648,000**	
001-09-NHOL		Che phủ NHS (Quận 02)	Toàn Quận	Che phủ NHS	C	1,000,000	800,000	NHS
046-32-0037	LA 39	Rowley tới Paris	St. Bernard	Đắp và Che phủ	C	3,361,000	2,688,800	NHS
				Tổng số NHS		**4,361,000**	**3,488,800**	
005-10-0038		US 90 tại Đường Homeplace	Jefferson	Lằn quẹo	C	300,000		Khác
				Tổng số Khác		**300,000**		
737-36-0019		Những đường an toàn tới trường-Trường Quốc tế ở LA	Orleans	Cải tiến An toàn	C	250,000	250,000	SR2S
737-36-0022		Những đường an toàn tới trường - Trường Esperanza Charter	Orleans	Cải tiến An toàn	C	250,000	250,000	SR2S
737-45-0001		Những đường an toàn tới trường - Tiểu học Norco và Tiểu học Sacred Heart of Jesus	St. Charles	Cải tiến An toàn	C	250,000	250,000	SR2S
				Tổng số SR2S		**750,000**	**750,000**	

Chương Trình Cải Tiến Chuyển Vận

Vùng New Orleans - Tài Chánh được Kềm chế

Tài Khóa 09 (10/1/08 - 9/30/09)

Số Đề án	Đường	Mô tả Đề án	Hạt	Đề nghị Cải tiến	Giai đoạn Làm việc	Ước định tổn phí với Lạm phát	Phần Liên bang	Nguồn Tài trợ
826-06-0020	LA 301	Bayou Villars - LA 45	Jefferson	Che phủ	C	1,388,000		Tiền mặt Tiểu bang
826-10-0008	LA 560-4	LA 45 - Bayou Barataria	Jefferson	Che phủ	C	559,000		Tiền mặt Tiểu bang
				Tổng số	**Tiền mặt Tiểu bang**	**1,947,000**		

Chương Trình Cải Tiến Chuyển Vận

Vùng New Orleans - Tài Chánh được Kềm chế

Tài Khóa 09 (10/1/08 - 9/30/09)

Số Đề án	Đường	Mô tả Đề án	Hạt	Đề nghị Cải tiến	Giai đoạn Làm việc	Ước định tổn phí với Lạm phát	Phần Liên bang	Nguồn Tài trợ
046-31-0053		Sửa cầu Judge Seeber (LA 39)	Orleans	Sửa cầu di động	C	1,350,000		Quỹ Tiểu bang
062-02-0119	LA 23	Sửa hộp số cầu GIWW Bridge	Plaquemines	Sửa cầu di động	C	200,000		Quỹ Tiểu bang.
062-02-0120		Đường hầm Belle Chasse	Plaquemines	Sửa điện và máy móc	C	2,000,000		Quỹ Tiểu bang
148-01-0028		Đường Paris. (LA 47, Virtue tới Đoạn ACC)	St. Bernard	Đắp và che phủ	C	1,005,000		Quỹ Tiểu bang
450-90-0162	I-10	Đường Paris - Hồ Pontchartrain	Orleans	Tái trải đường	C	24,452,000		Quỹ Tiểu bang
450-90-0219		I-10 ở Tulane & St. Bernard	Orleans	Thay khớp nối	C	500,000		Quỹ Tiểu bang
713-26-0105		26th St. ở Kênh 17	Jefferson	Thay cầu	C	1,140,000		Quỹ Tiểu bang
845-17-0014		Almedia (LA 48 - US 61)	St. Charles	Che phủ và thoát nước	C	1,800,000		Quỹ Tiểu bang
848-06-0003	LA 639	LA 18 - TP RR	St. John	Che phủ	C	64,000		Quỹ Tiểu bang
848-17-0004	LA 3217	LA 628 - US 61	St. John	Che phủ	C	590,000		Quỹ Tiểu bang
848-18-0007	LA 3223	LA 44 - US 61	St. John	Che phủ	C	167,000		Quỹ Tiểu bang.
848-19-0006	LA 3224	LA 44 - US 61	St. John	Che phủ	C	104,000		Quỹ Tiểu bang.
				Tổng số	**Quỹ Tiểu bang.**	**33,372,000**		

Chương Trình Cải Tiến Chuyển Vận

Vùng New Orleans - Tài Chánh được Kềm chế

Tài Khóa 09 (10/1/08 - 9/30/09)

Số Đề án	Đường	Mô tả Đề án	Hạt	Đề nghị Cải tiến	Giai đoạn Làm việc	Ước định tổn phí với Lạm phát	Phần Liên bang	Nguồn Tài trợ
001-09-OLAY		Che phủ STP (Quận 02)	Toàn Quận	Che phủ STP	C	2,000,000	1,600,000	STP
001-09-PVMT		Bảo trì phòng bị (Dist. 02)	Toàn Quận	Bảo trì phòng bị	C	100,000	80,000	STP
				Tổng số STP		**2,100,000**	**1,680,000**	
001-09-ENH		Cải tiến (Quận 02)	Toàn Quận	Cải tiến	C	200,000	160,000	STP ENH
450-90-0194		An toàn và làm đẹp I-10, GĐ. 2	Orleans	Vường cây cỏ và an toàn bộ hành	C	1,460,000	1,387,000	STP ENH
				Tổng sốl STP ENH		**1,660,000**	**1,547,000**	
737-36-0013		Trung tâm Quản trị Lưu thông NO	Orleans	Thiết bị ITS mới	C	1,500,000	1,200,000	STP FLEX
				Tổng số STP FLEX		**1,500,000**	**1,200,000**	
001-09-HAZ		Giải trừ những Rủi ro Linh tinh (Quận 2)	Toàn Quận	Giải trừ những Rủi ro Linh tinh	C	150,000	120,000	STP HAZ
001-09-RR01		An toàn Đi ngang Đường rầy	Toàn Quận	An toàn Đi ngang Đường rầy	C	500,000	400,000	STP HAZ
		(Quận 2)		**Tổng số STP HAZ**		**650,000**	**520,000**	

Chương Trình Cải Tiến Chuyển Vận

Vùng New Orleans - Tài Chánh được Kềm chế

Tài Khóa **09 (10/1/08 - 9/30/09)**

Số Đề án	Đường	Mô tả Đề án	Hạt	Đề nghị Cải tiến	Giai đoạn Làm việc	Ước định tổn phí với Lạm phát	Phần Liên bang	Nguồn Tài trợ
	LA 52	Đường Paul Mallard	St. Charles	Cấp 0 Nghiên cứu Khả thi	SDY	100,000	80,000	STP>200K
		Hành lang Jefferson CMS	Jefferson	Cấp 0 Nghiên cứu Khả thi, Ngã tư & Đèn/tín hiệu	SDY	100,000	80,000	STP>200K
		Hỗ trợ* chương trình E-R	Orleans	Hỗ trợ Đường bị Ngập	C	725,000	580,000	STP>200K
006-03-0055		S. Claiborne (Gravier - Cleveland)	Orleans	Cải tiến Khung cảnh Đường	C	2,162,000	2,033,000	STP>200K=$20K; ENH=$2,033,000; Địa phươngl=109K
742-26-0077		Đường Ames. (Barataria - E. Ames)	Jefferson	Làm rộng	ROW	650,000	520,000	STP>200K
742-26-0056		Đường Lapalco (Brooklyn - Murphy Canal)	Jefferson	Che phủ	C	1,540,800	1,232,640	STP>200K
742-26-0066		Segnette (Lapalco - US 90B)	Jefferson	Che phủ	C	3,500,000	2,800,000	STP>200K
742-26-0079		Đường Veterans. (Loyola Dr. tới Canal No. 17)	Jefferson	Làm rộng từ 2 thành 4 lằn	ENV	125,000	100,000	STP>200K
742-36-0110		Robert E. Lee (Pratt - Paris)	Orleans	Tái thiết	C	2,487,000	1,989,600	STP>200K
742-36-0123		ĐườngWoodland (Tullis - DeGaulle)	Orleans	Tái thiết	C	**3,343,150**	**2,674,520**	STP>200K
742-36-0138		Magazine (Calliope St. - St. Joseph St.)	Orleans	Phục hồi	C	**3,397,200**	**2,717,760**	STP>200K

*Quỹ Hệ thống Thành thị>200K (Urban Systems>200K) cho chương Trình Đường bị Ngập sẽ được áp dụng cho những cải tiến không đủ điều kiện hưởng tài trợ ER. Những cải tiến này bao gồm, nhưng không giới hạn: bê tông có nhựa đường, tái xây bể bắt nước, lỗ cống và cống rãnh, cũng như tất cả những vật khác không đủ điều kiện hưởng tài trợ liên bang theo Chương trình Hệ thống Thành thị (Urban Systems Program) .

Chương Trình Cải Tiến Chuyển Vận

Vùng New Orleans - Tài Chánh được Kềm chế

Tài Khóa 09 (10/1/08 - 9/30/09)

Số Đề án	Đường	Mô tả Đề án	Hạt	Đề nghị Cải tiến	Giai đoạn Làm việc	Ước định tổn phí với Lạm phát	Phần Liên bang	Nguồn Tài trợ
000-09-SSUB		Đường bị Ngập*	St. Bernard	Đắp và Che phủ	C	875,000	700,000	STP>200K
				Tổng số	**STP>200K**	**19,005,150**	**15,507,520**	

Chương Trình Cải Tiến Chuyển Vận

Vùng New Orleans - Tài Chánh được Kềm chế

Tài Khóa 10 (10/1/09 - 9/30/10)

Số Đề án	Đường	Mô tả Đề án	Hạt	Đề nghị Cải tiến	Giai đoạn Làm việc	Ước định tổn phí với Lạm phát	Phần Liên bang	Nguồn Tài trợ
000-10-DEMO		Những đề án Biểu trưng Khác nhau	Toàn Quận	Tổn phí thay đổi về Kỹ thuật hóa, ROW và xây những tiện ích	E/ROW/U	1,000,000	800,000	Demo
700-36-0194		Tchoupitoulas (Canal St.. tới US 90B)	Orleans	Che phủ	C	1,500,000	1,200,000	Demo
742-26-0033		Lapalco (Westwood - Tanglewood)	Jefferson	Làm rộng từ 2 tới 4 lằn	C	6,500,000	5,200,000	Demo
742-36-0136		Nối dài đường Howard	Orleans	Đường mới	C	6,000,000	4,800,000	Demo
826-63-0001	LA 1261	Nối dài đường Peters, Phase I	Plaquemines	Đường mới	C	11,000,000	8,800,000	Demo=1.9M; Khác=9.7M
				Tổng số	**Demo**	**26,000,000**	**20,800,000**	
005-10-0034	US 90	Cầu Thoát Kênh trên US 90	Jefferson	Thay cầu	C	1,553,000	1,242,400	FBR
713-02-FY10		Thay Cầu Ngoài Hệ thống (Quận 02)	Districtwide	Thay Cầu Ngoài Hệ thống	C	2,200,000	1,760,000	FBR
845-09-0008	LA 632	Cầu Kênh Main	St. Charles	Thay Cầu	C	825,000	660,000	FBR
				Tổng số	**FBR**	**4,578,000**	**3,662,400**	

Chương Trình Cải Tiến Chuyển Vận

Vùng New Orleans - Tài Chánh được Kềm chế

Tài Khóa 10 (10/1/09 - 9/30/10)

Số Đề án	Đường	Mô tả Đề án	Hạt	Đề nghị Cải tiến	Giai đoạn Làm việc	Ước định tổn phí với Lạm phát	Phần Liên bang	Nguồn Tài trợ
713-36-0101		Cầu đường Harrison trên Đầm St. John	Orleans	Thay Cầu	C	3,000,000	2,400,000	FBR-OFF
				Total FBR-OFF		**3,000,000**	**2,400,000**	
450-13-0049		I-10 ở LA 3188	St. John	Đèn ở Giao điểm	C	750,000	675,000	IM
				Total IM		**750,000**	**675,000**	
001-10-NHOL		Che phủ NHS (Quận 02)	Toàn Quận	Che phủ NHS	C	1,000,000	800,000	NHS
006-30-0042	LA 48	Cầu Huey P Long tới Đường Williams.	Jefferson	Chà lạnh và Che phủ	C	9,524,000	7,619,200	NHS
062-04-0029	LA 23	Happy Jack - N. Port Sulphur	Plaquemines	Làm rộng thành 4 lằn	C	16,122,000	12,897,600	NHS
				Tổng số NHS		**26,646,000**	**21,316,800**	
452-01-0051		I-55 tại Giao điểm Ruddock	St. John	Cải tiến Thoát nước	C	1,000,000		St. Cash
				Tổng số Tiền mặt Tiểu bang		**1,000,000**		

Chương Trình Cải Tiến Chuyển Vận

Vùng New Orleans - Tài Chánh được Kềm chế

Tài Khóa 10 (10/1/09 - 9/30/10)

Số Đề án	Đường	Mô tả Đề án	Hạt	Đề nghị Cải tiến	Giai đoạn Làm việc	Ước định tổn phí với Lạm phát	Phần Liên bang	Nguồn Tài trợ
007-03-0056	US 61	LA 48 - LA 50	St. Charles	Cải tiến Rào càn	C	1,000,000		Quỹ Tiểu bang
062-02-0048	LA 18	Đường 4th Tiếp nối tới Burmaster	Jefferson	Xây 2 lằn	C	9,450,000		Quỹ Tiểu bang
283-09-0114		Đường Peters (Lối Ra/Vào) ởUS 90B	Jefferson	Cải tiến Lối Ra/Vào Xa lộ	C	21,000,000		Quỹ Tiểu bang
430-01-0016		Xa lộ Tốc hành Earhart	Jefferson	Cải tiến Tiếp cận	C	5,000,000		Quỹ Tiểu bang
430-01-0020		Lối Ra/Vào Earhart ở Dakin	Jefferson	Điểm nối Ra/Vào mới	C	2,300,000		Quỹ Tiểu bang
				Tổng số	**Quỹ Tiểu bang**	**38,750,000**		
001-10-OLAY		Đề án Che phủ STP (Quận 02)	Toàn Quận	Che phủ STP	C	2,000,000	1,600,000	STP
001-10-PVMT		Bảo trì Phòng ngừa (Quận 02)	Toàn Quận	Bảo trì Phòng ngừa	C	100,000	80,000	STP
				Tổng số	**STP**	**2,100,000**	**1,680,000**	
001-10-ENH		Cải tiến (Quận 02)	Toàn Quận	Cải tiến	C	200,000	160,000	STP ENH
				Tổng số	**STP ENH**	**200,000**	**160,000**	
006-03-0057	US 90E	Bắc của Broad - Đoạn cuối Tây của INHC	Orleans	Che Phủ	C	3,620,000	2,896,000	STP FLE
				Tổng số	**STP FLEX**	**3,620,000**	**2,896,000**	

Chương Trình Cải Tiến Chuyển Vận

Vùng New Orleans - Tài Chánh được Kềm chế

Tài Khóa 10 (10/1/09 - 9/30/10)

Ước định tổn Số Đề án	Đường	Mô tả Đề án	Hạt	Đề nghị Cải tiến	Giai đoạn Làm việc	phí với Lạm phát	Phần Liên bang	Nguồn Tài trợ
001-10-HAZ		Giải trừ Rủi ro Linh tinh (Quận 02)	Districtwide	Giải trừ Rủi ro Linh tinh	C	150,000	120,000	STP HAZ
001-10-RR01		An toàn Đi ngang Đường rầy (Quận 2)	Districtwide	An toàn Đi ngang Đường rầy	C	500,000	400,000	STP HAZ
007-02-0097	US 61	Đường LA 49 - Hạt St. Charles	Jefferson	Thay và Nâng cấp Dấu hiệu Lưu thông	C	5,812,000	5,812,000	STP HAZ
409-02-0016		LA 407 và Bùng binh LA 406	Orleans	Cải tiến Ngã tư	C	250,000	200,000	STP HAZ
				Tổng số	**STP HAZ**	**6,712,000**	**6,532,000**	

Chương Trình Cải Tiến Chuyển Vận

Vùng New Orleans - Tài Chánh được Kềm chế

Tài Khóa 10 (10/1/09 - 9/30/10)

Số Đề án	Đường	Mô tả Đề án	Hạt	Đề nghị Cải tiến	Giai đoạn Làm việc	Ước định tổn phí với Lạm phát	Phần Liên bang	Nguồn Tài trợ
		Chương Trình Hỗ Trợ* E-R	Orleans	Hỗ Trợ Đường bị Ngập	C	1,200,000	960,000	STP>200K
	LA 611-9	Đường Ngang Metairie Rd.	Jefferson	An toàn Xe hơi/Đường rầy	C	600,000	600,000	STP>200K
410-01-0040	LA 407	Gen. DeGaulle	Orleans	Lưu thông và Thoát nước	C	25,000,000	5,000,000	STP>200K=5M; Quỹ Tiểu bang= 15M; Khác=5M
742-26-0078		Veterans Blvd. (Virginia Ave. tới Loyola Drive)	Jefferson	Che phủ	C	1,100,000	880,000	STP>200K
742-26-0082		Madison St. (Americus - Cook)	Jefferson	Che phủ và An toàn Đi ngang Đường rầy	C	1,600,000	1,280,000	STP>200K=1.2M; Demo=.160M
742-26-0086		Manhattan (Gretna - US 90B)	Jefferson	Che phủ	C	2,300,000	1,800,000	STP>200K
742-26-0087		East Jefferson Cải tiến Dấu hiện Lưu thông	Jefferson	Tín hiệu	C	700,000	700,000	STP>200K
742-36-0122		Lakefront/Holy Cross Cải tiến Dấu hiệu	Orleans	Cải tiến Tín hiệu	C	1,328,000	1,328,000	STP>200K
742-36I		Lake Forest (I-510 - Eastover)	Orleans	Công việc Mở rộng nhỏ	ENG	75,000	60,000	STP>200K
826-04-0015		An toàn Đi ngang Đường rầy	Jefferson	Đặt hệ thống cản bảo vệ ở Đường rầy Norfolk Southern @LA 611-9 (Metairie Rd.)	C	600,000	600,000	STP>200K
				Tổng số	**STP>200K**	**34,503,000**	**13,208,000**	

Chương Trình Cải Tiến Chuyển Vận

Vùng New Orleans - Tài Chánh được Kềm chế

Tài Khóa 11 (10/1/10 - 9/30/11)

Số Đề án	Đường	Mô tả Đề án	Hạt	Đề nghị Cải tiến	Giai đoạn Làm việc	Ước định tổn phí với Lạm phát	Phần Liên bang	Nguồn Tài trợ
		Cải tiến Giao điểm Loyola	Jefferson	Cải tiến Lưu thông theo hình học	C	655,000	524,000	Demo
000-11-DEMO	Khác nhau	Những đề án Biểu trưng	Toàn Quận	Thay đổi chi phí về Eng, ROW và xây những tiện nghi	E/ROW/U	1,000,000	800,000	Demo
700-36-0195		Xe đạp/Bộ hành Đi ngang Washington Ave.	Orleans	Cải tiến An toàn Bộ hành	C	2,600,000	2,080,000	Demo
				Tổng số	**Demo**	**4,255,000**	**3,404,000**	
249-90-0035	LA 45	Cầu Goose Bayou	Jefferson	Thay Cầu	C	1,350,000	1,080,000	FBR
249-90-0037	LA 45	Vét Cầu Kênh ở LA 45	Jefferson	Thay Cầu	C	932,000	745,600	FBR
713-02-FY11		Thay Cầu Ngoài Hệ thống (Quận 02)	Toàn Quận	Thay Cầu Ngoài Hệ thống	C	2,200,000	1,760,000	FBR
				Tổng số	**FBR**	**4,482,000**	**3,585,600**	
001-11-NHOL		Che phủ NHS (Quận 02)	Toàn Quận	Che phủ NHS	C	1,000,000	800,000	NHS
				Tổng số	**NHS**	**1,000,000**	**800,000**	

Chương Trình Cải Tiến Chuyển Vận

Vùng New Orleans - Tài Chánh được Kềm chế

Tài Khóa 11 (10/1/10 - 9/30/11)

Số Đề án	Đường	Mô tả Đề án	Hạt	Đề nghị Cải tiến	Giai đoạn Làm việc	Ước định tổn phí với Lạm phát	Phần Liên bang	Nguồn Tài trợ
001-11-OLAY		Che phủ STP (Quận 02)	Toàn Quận	Che phủ STP	C	2,000,000	1,600,000	STP
001-11-PVMT		Bảo trì Phòng bị (Dist. 02)	Toàn Quận	Bảo trì Phòng bị	C	100,000	80,000	STP
				Tổng số STP		**2,100,000**	**1,680,000**	
001-11-ENH		Cải tiến (Dist. 02)	Toàn Quận	Cải tiến	C	200,000	160,000	STP ENH
				Tổng số STP ENH		**200,000**	**160,000**	
001-11-HAZ		Giải trừ những Rủi ro . Linh tinh (Quận 02)	Toàn Quận	Giải trừ những Rủi ro Linh tinh	C	150,000	120,000	STP HAZ
001-11-RR01		An toàn Đi ngang	Toàn Quận	An toàn Đi ngang Đường rầy	C	500,000	400,000	STP HAZ
		Đường rầy (Quận 02)		**Tổng số STP HAZ**		**650,000**	**520,000**	

Chương Trình Cải Tiến Chuyển Vận

Vùng New Orleans - Tài Chánh được Kềm chế

Tài Khóa 11 (10/1/10 - 9/30/11)

Số Đề án	Đường	Mô tả Đề án	Hạt	Đề nghị Cải tiến	Giai đoạn Làm việc	Ước định tổn phí với Lạm phát	Phần Liên bang	Nguồn Tài trợ
742-26-0073		Harvey Blvd. (Peters - Manhattan)	Jefferson	Đường Tiếp nối mới	C	11,577,000	9,261,600	STP>200K
742-26-0074		Lối đi dạo West @ Clearview Pkwy.	Jefferson	Cải tiến Ngã tư	C	1,500,000	1,200,000	STP>200K
742-36-0126		St. Charles Ave. (Louisiana Ave. tới Calliope St.)	Orleans	Che phủ	C	3,500,000	2,800,000	STP>200K
742-44-0006		Packenham / Jackson (LA 46 - LA 39)	St. Bernard	Tái thiết	C	3,000,000	2,400,000	STP>200K
				Tổng số	**STP>200K**	**19,577,000**	**15,661,600**	

Chương Trình Cải Tiến Chuyển Vận

Vùng New Orleans - Tài Chánh được Kềm chế

Tài Khóa 12 (10/1/11 - 9/30/12)

Số Đề án	Đường	Mô tả Đề án	Hạt	Đề nghị Cải tiến	Giai đoạn Làm việc	Ước định tổn phí với Lạm phát	Phần Liên bang	Nguồn Tài trợ
000-12-DEMO		Những Đề án Biểu trưng khác nhau	Toàn Quận	Thay đổi chi phí Eng, ROW và xây những tiện nghi	E/ROW/U	1,000,000	800,000	Demo
				Tổng số Demo		**1,000,000**	**800,000**	
284-30-0023	LA 300	Cầu kênh Reggio	St. Bernard	Thay Cầu	C	1,100,000	880,000	FBR
				Tổng số FBR		**1,100,000**	**880,000**	
284-02-0032	LA 46	Cầu Bayou La Loutre	St. Bernard	Làm sạch và Sơn	C	1,000,000	800,000	FBRON
				Tổng số FBRON		**1,000,000**	**800,000**	
001-12-NHOL		Che phủ NHS (Quận 02)	Toàn Quận	Che phủ NHS	C	1,000,000	800,000	NHS
				Tổng số NHS		**1,000,000**	**800,000**	
001-12-OLAY		Che phủ STP (Quận 02)	Toàn Quận	Che phủ STP	C	2,000,000	1,600,000	STP
001-12-PVMT		Bảo trì Phòng bị (Quận 02)	Toàn Quận	Bảo trì Phòng bị	C	100,000	80,000	STP
				Tổng số STP		**2,100,000**	**1,680,000**	
001-12-ENH		Cải tiến (Quận 02)	Toàn Quận	Cải tiến	C	200,000	160,000	STP ENH
				Tổng số STP ENH		**200,000**	**160,000**	

Chương Trình Cải Tiến Chuyển Vận

Vùng New Orleans - Tài Chánh được Kềm chế

Tài Khóa 12 (10/1/11 - 9/30/12)

Số Đề án	Đường	Mô tả Đề án	Hạt	Đề nghị Cải tiến	Giai đoạn Làm việc	Ước định tổn phí với Lạm phát	Phần Liên bang	Nguồn Tài trợ
063-05-0026	LA 18	Ranh giới Hạt Jefferson - LA 52	St. Charles	Chà lạnh và Che phủ	C	2,925,000	2,340,000	STP FLEX
737-99C		Hệ thống ITS Vùng New Orleans (Twin Span)	Orleans	Thiết bị ITS	C	8,000,000	6,400,000	STP FLEX
				Tổng số STP FLEX		**10,925,000**	**8,740,000**	
001-12-HAZ		Giải trừ những Rủi ro Linh tinh. (Quận 02)	Toàn Quận	Giải trừ những Rủi ro Linh tinh	C	150,000	120,000	STP HAZ
001-12-RR01		An toàn Đi ngang Đường rầy (Quận 02)	Toàn Quận	An toàn Đi ngang Đường rầy	C	500,000	400,000	STP HAZ
				Tổng số STP HAZ		**650,000**	**520,000**	
		Clearview (Mounes - West Metairie)	Jefferson	TSM	C	3,000,000	2,400,000	STP>200K
		Bảng hiệu Nhắn tin cho Khách Đi Phà CCCD	Orleans	Đề án ITS	C	400,000	320,000	STP>200K
736-38-0002	LA 23	Đại lộ Wall - LA 3017	Plaquemines, Jeff.	Mở rộng thành 6 lằn	C	6,300,000	5,040,000	STP>200K
742-36-0118		Fleur De Lis, Giai đoạn 3	Orleans	Tái thiết	C	6,100,000	4,880,000	STP>200K
742-36-0135		Đại lộ Canal (R.E. Lee - Amethyst)	Orleans	Tái thiết	C	3,000,000	2,400,000	STP>200K
				Tổng số STP>200K		**18,800,000**	**15,040,000**	

Chương Trình Cải Tiến Chuyển Vận

Vùng New Orleans - Tài Chánh được Kềm chế

Tài Khóa-13 – Tài Khóa-18 □□ Thông tin Mà thôi

Số Đề án	Đường	Mô tả Đề án	Hạt	Đề nghị Cải tiến	Giai đoạn Làm việc	Ước định tổn phí với Lạm phát	Phần Liên bang	Nguồn Tài trợ
046-03A	LA 46	Độ dốc Ngăn cách (Cầu bắc qua Đường rầy)	St. Bernard	Độ dốc Ngăn cách Đường rầy	C	26,000,000		--
736-26-0001	LA 3139	Earhart ở Causeway	Jefferson	Giao điểm Mới	C	49,000,000	39,200,000	--
				Tổng số --		**75,000,000**	**39,200,000**	
700-26-0294		Thoát nước Clearview ở Earhart	Jefferson	Cải tiến Thoát nước	C	23,000,000		- -
				Tổng số - -		**23,000,000**		
000-26-DEM1		Đường đắp cao ở Hồ Pontchartrain	Jefferson	Cải tiến Sức chứa	SDY	1,500,000	1,200,000	Demo
700-26-0242		Đế án Đa cách ở hành lang Earhart	Jefferson	Nghiên cứu Ranh giới & độ dốc, Môi sinh	Env	375,000	300,000	Demo
700-48-0107		Đường ở Cảng South Louisiana	St. John	Xây cất Mới	C	5,000,000	4,000,000	Demo
744-26-0013		Ven hồ ở Jefferson	Jefferson	Tái xây Lối đi Xe đạp	C	1,000,000	800,000	Demo
744-26-0021		Lối đi Xe đạp Orpheum - Huron	Jefferson	Lối đi Xe đạp theo Tuyến	C	326,000	260,800	Demo
848-19-0003		LA 3224 ở US 61	St. John	Tu chính An toàn và Sức chứa	C	365,000	292,000	Demo
				Tổng số Demo		**8,566,000**	**6,852,800**	

Chương Trình Cải Tiến Chuyển Vận

Vùng New Orleans - Tài Chánh được Kềm chế

Tài Khóa-13 – Tài Khóa-18 □□ Thông tin Mà thôi

Số Đề án	Đường	Mô tả Đề án	Hạt	Đề nghị Cải tiến	Giai đoạn Làm việc	Ước định tổn phí với Lạm phát	Phần Liên bang	Nguồn Tài trợ
006-01-0024		Sơn Cầu H.P. Long	Jefferson	Sửa Thiệt hại bởi Katrina	C	350,000	350,000	E-R100
				Tổng số E-R100		**350,000**	**350,000**	
006-05-0067	US 90	Đường tới gần & Cầu Chef Menteur	Orleans	Thay Cầu	C	15,900,000	12,720,000	FBR
007-01-0022	US 61	Cầu bắc ngang I-10 - US 61	Orleans	Thay Cầu	C	4,000,000	3,200,000	FBR
826-39-0090	LA 302	Cầu Bayou Barataria ở Lafitte	Jefferson	Thay Cầu	C	36,205,000	28,964,000	FBR=24M; DEMO=5M
				Tổng số FBR		**56,105,000**	**44,884,000**	
700-99-0348		Hệ thống điện tử hòa nhập để thu lệ phí đi đường	Orleans	Hệ thống thu lệ phí đi đường	C	6,000,000	4,800,000	FBR-ON
742-36-0104		Cầu Almonaster	Orleans	Thay Cầu	C	44,000,000	35,200,000	FBR-ON=$16M; STP>200K=800K; Khác=$17.4M
				Tổng số FBR-ON		**50,000,000**	**40,000,000**	
000-26-DEM6		Đường rầy Chạy nhanh Gulf Coast	Jefferson	Nghiên cứu Dộ dốc nơi chạy ngang Dấu hiệu, Năng lượng	C	1,000,000	800,000	HP
				Tổng số HP		**1,000,000**	**800,000**	

Chương Trình Cải Tiến Chuyển Vận

Vùng New Orleans - Tài Chánh được Kềm chế

Tài Khóa-13 – Tài Khóa-18 □□ Thông tin Mà thôi

Số Đề án	Đường	Mô tả Đề án	Hạt	Đề nghị Cải tiến	Giai đoạn Làm việc	Ước định tổn phí với Lạm phát	Phần Liên bang	Nguồn Tài trợ
450-13-0022	I-10	Đập tràn Bonne Carre	St. John	Sửa Sàn cầu	C	540,000	486,000	IM
450-34		I-10/I-610 Bảo trì Mặt đường	Orleans	Sửa và Phục hồi	C	2,225,000	2,002,500	IM
450-90	I-10	L.M. 21.24 - Hồ Pontchartrain	Orleans	Sửa mặt đường	C	10,000,000	9,000,000	IM
				Tổng số	**IM**	**12,765,000**	**11,488,500**	
	LA 3017	Tiếp nối Đường Peters, Giai Đoạn 2	Plaquemines	Cầu mới trên ICWW	C	44,000,000		Địa phương/ Tiểu bang/Liên bang
				Tổng số	**Địa phương/tiểu bang/ Liên bang**	**44,000,000**		
062-01-0026	LA 23	US 90B tới Lapalco	Jefferson	Che phủ AC của Mặt đường PCC	C	3,900,000	3,120,000	NHS
450-15-0099	I-10	Veterans - Clearview	Jefferson	Làm rộng	C	37,100,000	29,680,000	NHS
				Tổng số	**NHS**	**41,000,000**	**32,800,000**	
826-44-0027	LA 3154	Di chuyển Hickory (Mounes - LA 48)	Jefferson	Di chuyển và 4 lằn	C	10,766,000		Trái phiếu Tiểu bang
				Tổng số	**Trái phiếu Tiểu bang**	**10,766,000**		

Chương Trình Cải Tiến Chuyển Vận

Vùng New Orleans - Tài Chánh được Kềm chế

Tài Khóa-13 – Tài Khóa-18 □□ Thông tin Mà thôi

Số Đề án	Đường	Mô tả Đề án	Hạt	Đề nghị Cải tiến	Giai đoạn Làm việc	Ước định tổn phí với Lạm phát	Phần Liên bang	Nguồn Tài trợ
		Hickory-Dock St.	Jefferson	Xây Bùng binh	C	100,000		Quỹ Tiểu bang
450-90-0216		Giao điểm I-10 ở Metairie Rd.	Orleans	Cải tiến Điểm Quay chiều	C	125,000		Quỹ Tiểu bang
				Tổng số	**Tiền mặt Tiểu bang**	**225,000**		
737-92A		Nòng cốt ITS của NO, Giai Đoạn 1	Orleans	Nòng cốt ITS	C	5,000,000	4,000,000	STP FLEX
742-26-0012		Dấu hiệu ở Gretna/Metairie	Jefferson	Nâng cấp và Thay	C	2,500,000	2,000,000	STP FLEX
742-26-0025		Dấu hiệu ở Jefferson (Avondale - Barataria)	Jefferson	Dấu hiệu Lưu thông	C	500,000	400,000	STP FLEX
848-05	LA 636-1	LA 628 - US 61	St. John	Bịt mặt đường	C	15,000	12,000	STP FLEX
				Tổng số	**STP FLEX**	**8,015,000**	**6,412,000**	

Chương Trình Cải Tiến Chuyển Vận

Vùng New Orleans - Tài Chánh được Kềm chế

Tài Khóa-13 – Tài Khóa-18 □□ Thông tin Mà thôi

Số Đề án	Đường	Mô tả Đề án	Hạt	Đề nghị Cải tiến	Giai đoạn Làm việc	Ước định tổn phí với Lạm phát	Phần Liên bang	Nguồn Tài trợ
		Ngã tư US 61 và Cải tiến Quan lý Tiếp cận	St. John	An toàn và Cải tiến Lưu thông hình học	C	4,500,000	3,600,000	STP>200K
		Harvey Blvd. (Wall - Manhattan)	Jefferson	Mở rộng thành 4 lằn	C	7,100,000	5,680,000	STP>200K
		Canal St. (Orpheum tới Oaklawn)	Jefferson	Che phủ	C	3,000,000	2,400,000	STP>200K
		Veterans Blvd.	Jefferson	Nâng cấp Dấu hiệu Lưu thông	C	700,000	700,000	STP>200K
742-26-0032		Lapalco (Segnette - Tanglewood)	Jefferson	Mở rộng thành 4 lằn	C	21,000,000	16,800,000	STP>200K=5M; Khác=16M
742-26-0038		Ames Blvd. (Đại lộ Barataria tới Oregon Dr.)	Jefferson	Xây Đường quẹo & Thoát nước	C	7,400,000	5,920,000	STP>200K
742-26-0039		Ames Blvd. (Oregon Drive tới East Ames)	Jefferson	Tái thiết và Ba lằn	C	7,400,000	5,920,000	STP>200K
742-26-0043		Nhà Kho lạnh/L&A Rd.	Jefferson	Cải tiến Tiếp cận	C	3,507,400	2,805,920	STP>200K
742-26-0077		Ames Blvd. (Barataria tới Oregon Dr.)	Jefferson	Xây Đường quẹo và Thoát nước	ROW	550,000	440,000	STP>200K
742-26-0079		Veterans Blvd. (Loyola Dr. tới Canal Số 17)	Jefferson	Mở rộng từ 2 tới 4 lằn	C	3,000,000	2,409,000	STP>200K
742-36-0006		Carrollton (Leake - Claiborne)	Orleans	Tái thiết	C	10,000,000	8,000,000	STP>200K

Chương Trình Cải Tiến Chuyển Vận

Vùng New Orleans - Tài Chánh được Kềm chế

Tài Khóa-13 – Tài Khóa-18 □□ Thông tin Mà thôi

Số Đề án	Đường	Mô tả Đề án	Hạt	Đề nghị Cải tiến	Giai đoạn Làm việc	Ước định tổn phí với Lạm phát	Phần Liên bang	Nguồn Tài trợ
742-36-0120		Dấu hiệu ở New Orleans, Algiers	Orleans	Cải tiến Dấu hiệu	C	2,379,000	2,379,000	STP>200K
742-36-0121		Dấu hiệu ở New Orleans, Giai Đoạn 9	Orleans	Cải tiến Dấu hiệu, Đông N.O.	C	2,100,000	1,680,000	STP>200K
742-36-0130		Lake Forest @ Bullard	Orleans	Dấu hiệu mới	C	150,000	120,000	STP>200K
742-36-0137		Magazine (Broadway - Calhoun)	Orleans	Phục hồi	C	3,500,000	2,800,000	STP>200K
742-36-0139		Magazine (Calhoun - Nashville)	Orleans	Phục hồi	C	3,000,000	2,400,000	STP>200K
742-36-0140		St. Charles Av. (Napoleon tới Đại lộ Louisiana)	Orleans	Che phủ	C	3,500,000	2,800,000	STP>200K
742-36I		Lake Forest (I-510 - Eastover)	Orleans	Công việc Mở rộng nhỏ	C	370,000	296,000	STP>200K
742-44-0007		Thoát nước Jean Lafitte	St. Bernard	Thoát nước Đường đi.	C	875,000	700,000	STP>200K
				Tổng số	**STP>200K**	**84,031,400**	**67,849,920**	

Chương Trình Cải Tiến Chuyển Vận

Vùng New Orleans - Tài Chánh được Kềm chế

Tài Khóa-13 – Tài Khóa-18 □□ Thông tin Mà thôi

Số Đề án	Đường	Mô tả Đề án	Hạt	Đề nghị Cải tiến	Giai đoạn Làm việc	Ước định tổn phí với Lạm phát	Phần Liên bang	Nguồn Tài trợ
703-36-0001		Florida Ave. (Poland - Alvar)	Orleans	Cầu Mới	C	102,394,000		TIMED
703-36-0002		Florida Ave. (Poland/Alvar - Tupelo)	Orleans	Đường Mới tới Cầu	C	188,080,000		TIMED
703-44-0001		Cầu Florida Ave. (Tupelo tới Paris Rd.)	St. Bernard	Cầu Mới	C	81,256,000		TIMED
				Tổng số	**TIMED**	**371,730,000**		
000-00-TOLL		Đề án tài trợ bởi thuế dùng lộ	Jefferson	Những Đề án tiếp tục	C	1,000,000		Thuế dùng lộ
				Tổng số	**Thuế dùng lộ**	**1,000,000**		

NHỮNG ĐỀ ÁN NÂNG CẤP CHUYỂN VẬN ĐƯỢC CHẤP THUẬN
Khu Vực Thành Thị Hóa New Orleans
Tài Khóa 2009-12

Số Đề Án	Mô tả Đề án	Đề nghị Cải tiến	Hạt	Giai đoạn Công việc	Tổng số Chi phí	Phần Liên bang	Nguồn Tài trợ
744-26-0013	Lối đi xe đạp Linear Park (Duncan-Rhine	Tiện nghi cho Xe đạp bộ hành	Jefferson	C	394,737	375,000	STP ENH
007-02-0089 744-26-0023	Đề án Làm đẹp Hành lang Airline Drive	Khung cảnh cây cỏ	Jefferson	C	189,474	180,000	STP ENH
744-26-0028	Cải tiến Khung cảnh đường ở Dickory	Tiện nghi cho Xe đạp bộ hành	Jefferson	C	81,053	77,000	STP ENH
249-90-0040 744-26-0027	Đề án Làm đẹp và Lề đường Jean Lafitte ở Trung Tâm thành phố	Tiện nghi cho Xe đạp bộ hành	Jefferson	C	188,421	179,000	STP ENH
744-26-0029	Kenner Ped./ Đường Xe đạp Tiếp nối	Tiện nghi cho Xe đạp bộ hành	Jefferson	C	245,579	233,300	STP ENH
744-26-0030	Lối đi Xe đạp/Bộ hành theo tuyến ở khúc Ven hồ của Công viên Jefferson , Giai đoạn VI-A	Tiện nghi cho Xe đạp bộ hành	Jefferson	C	392,632	373,000	STP ENH
744-36-0009	Lối đi Xe đạp Mới ở Kênh Basin, Đoạn 1	Tiện nghi cho Xe đạp bộ hành	Orleans	C	473,684	450,000	STP ENH
744-36-0016	Lối đi Xe đạp Mới ở Kênh Basin, Đoạn 2	Tiện nghi cho Xe đạp bộ hành	Orleans	C	763,158	725,000	STP ENH
744-36-0025	Khu vực xanh của Hành lang Lafitte	Tiện nghi cho Xe đạp bộ hành / Bảo tồn ROW	Orleans	C	329,474	313,000	STP ENH
744-36-0023	Cải tiến Khung cảnh Đường ở Khu vực Bảo tang viện, Giai đoạn 1	Khung cảnh cây cỏ	Orleans	C	305,263	290,000	STP ENH
744-36-0021	Đề án Xây Giá gác Xe đạp ở New Orleans, Giai đoạn 1	Tiện nghi cho Xe đạp bộ hành	Orleans	C	131,579	125,000	STP ENH
450-90-0194 744-36-0022	Đề án Làm đẹp và An toàn Đông I-10, Giai đoạn 2	Khung cảnh cây cỏ / An toàn Bộ hành	Orleans	C	477,895	454,000	STP ENH
744-36-0000	Nâng cao Lối đi Xe đạp và Chuyển vận ở Khu vực SUNO	Tiện nghi cho Xe đạp bộ hành	Orleans	C	256,842	244,000	STP ENH
006-03-0055 744-36-0026	Khung cảnh đường ở Nam Claiborne Avenue	Khung cảnh cây cỏ / An toàn Bộ hành	Orleans	C	838,737	796,800	STP ENH
062-04-0030 744-38-0002	Phục hồi Lề đường (Buras và Cảng Sulphur)	Tiện nghi cho Xe đạp bộ hành	Plaquemines	C	298,947	284,000	STP ENH
744-44-0008	Lối đi Xe đạp ở Đập Mississippi, Giai đoạn 1	Tiện nghi cho Xe đạp bộ hành	St. Bernard	C	254,737	242,000	STP ENH
744-45-0007	Đề án Lối đi Đa dụng ở Mạn Tây	Tiện nghi cho Xe đạp bộ hành	St. Charles	C	804,211	764,000	STP ENH
744-45-0008	Lối đi đa dụng ở Mạn Đông, Giai đoạn 2	Tiện nghi cho Xe đạp bộ hành	St. Charles	C	180,000	171,000	STP ENH
744-48-0005	Lối đi Đa dụng ở Mạn Đông Sông Mississippi, Giai đoạn 1	Tiện nghi cho Xe đạp bộ hành	St. John	C	505,263	480,000	STP ENH

Mô tả những Loại Nâng cấp Chuyển vận
1. Cung cấp những Tiện nghi cho Bộ hành và Xe đạp 2. Cung cấp những Sinh hoạt An toàn và Giáo huấn cho Bộ hành và Xe đạp 3. Thu thập Quyền sử dụng Thắng cảnh và những Địa điểm Thắng cảnh và Lịch sử 4. Những Chương trình Thắng cảnh và Lịch sử Xa lộ (kể cả việc cung cấp những Tiện nghi cho Du khách và Trung tâm Đón chào) 5. Làm đẹp Khung cảnh cây cỏ và những Thắng cảnh khác 6. Bảo tồn Lịch sử 7. Phục hồi và Điều hành những Tòa nhà, Cấu trúc hay Cơ sở về Lịch sử Chuyển vận (kể cả những cơ sở lịch sử đường rầy và những kênh) 8. Bảo tồn những Hành lang Đường rầy bị Phế bỏ (kể cả việc biến đổi và dùng làm lối đi cho bộ hành và xe đạp) 9. Kiểm soát và Tháo dỡ những Quảng cáo Ngoài trời

Tài Khóa 2009 Giao Thông TIP

Đề án	Phường	Tổng số Tổn phí	Đoạn 5307*	Đoạn 5309 (Tùy nghi)#	Đoạn 5309 (Thay đổi Đường rầy)	Đoạn 5310	Đoạn 5311	Đoạn 5316*	Đoạn 5317*	Tương ứng của Địa	Bình luận
Khởi xướng Hoạch định và Điều hành	RPC	502.7	502.7							0.0	Khởi xướng Hoạch định và Điều hành - Vùng
Xe buýt NORPC và những Tiện nghi xe buýt	RPC	112.8		112.8							LA E2009-BUSP-401 SAFETEA-LU #243
Cải tiến Tiếp cận - Đường Riverfront (TE)	RPC	400.0	400.0							0.0	Cùng chung với Trợ cấp PONO - Trung tâm IM Riverfront LA 40-0020-00
Thuộc vùng JARC (Tài Khóa 07)	Vùng	413.9						413.9		0.0	Tiền Chỉ định cho Tài Khóa 07
Thuộc vùng JARC (Tài Khóa 08)	Vùng	853.1						853.1		0.0	Tiền Chỉ định cho Tài Khóa 08
Thuộc vùng JARC (Tài Khóa 09)	Vùng	1,001.4						1,001.4		0.0	Tiền Chỉ định cho Tài khóa 09
Thuộc vùng Tự Do Mới (Tài Khóa 07)	Vùng	182.9							182.9	0.0	Tiền Chỉ định cho Tài Khóa 07
Thuộc vùng Tự Do Mới (Tài Khóa 08)	Vùng	373.8							373.8	0.0	Tiền Chỉ định cho Tài Khóa 08
Thuộc vùng Tự Do Mới (Tài Khóa 09)	Vùng	430.9							430.9	0.0	Tiền Chỉ định cho Tài Khóa 09
Thay Cầu cho Xe ở Bãi Chalmette	DOTD	610.0	610.0							0.0	Phà CCCD, cùng chung với Tài khoản FARRA là $2.765 Triệu cho CCCD
Bảo trì Phòng bị	DOTD	290.0	290.0								
TỔNG SỐ		**5,171.5**	**1,802.7**	**112.8**				**2,268.4**	**987.6**	**0.0**	
Tài trợ Điều hành	Jefferson	2,000.0	2,000.0							0.0	Điều kiện điều hành và Miễn tiền tương xứng Địa phương dựa theo Đoạn 7025 của PL 109-234
Bảo trì Phòng bị	Jefferson	1,750.0	1,750.0							0.0	Miễn tiền Tương xứng Địa phương dựa theo Đoạn 7025 của PL 109-234
Thay Xe Chuyên chở Giao thông (2)	Jefferson	110.0	110.0							0.0	
Thiết bị Sửa/Máy Phát điện Khẩn cấp (2)	Jefferson	195.0	195.0							0.0	
Rađiô/Rađiô di động Cầm tay	Jefferson	15.0	15.0							0.0	
Thiết bị Văn phòng/Máy vi tính	Jefferson	25.0	25.0							0.0	
Hoạch định	Jefferson	275.0	275.0							0.0	
Máy ảnh Thiết bị An ninh (12), Dấu hiệu có LED (2), Hộp gọi (3)	Jefferson	215.5	215.5							0.0	
Mua Xe van E&H (Trường Magnolia)	Jefferson	80.0				80.0				0.0	Chờ đợi Tiền Trợ cấp bởi LaDOTD
TỔNG SỐ CHO JEFFERSON		**4,665.5**	**4,585.5**	**0.0**		**80.0**				**0.0**	
Tiện nghi Đa cách ở Riversphere	Orleans	198.0		198.0						0.0	E2006-BUSP-465
Trung tâm Giao cách Riverfront (Cảng NO)	Orleans	112.8		112.8							LA-E2009-BUSP-399, #55, Miễn Tiền Tương xứng Địa phương dựa theo Đoạn 7025 của PL 109-234
Những Tiện nghi Giao cách NOUPT	Orleans	225.7		225.7							LA-E 2009-BUSP-400, #67, Miễn Tiền Tương xứng Địa phương dựa theo Đoạn 7025 của PL 109-234
Trợ giúp Điều hành (RTA)	Orleans (RTA)	10,000.0	10,000.0							0.0	Điều kiện Điều hành và Miễn tiền tương xứng Địa phương dựa theo Đoạn 7025 của PL 109-234
Xe Hỗ trợ	Orleans (RTA)	149.1	149.1								Sửa đổi theo Hướng dẫn 4/27/2009, cộng thêm $100 ngàn
Bảo trì Phòng bị - Đường rầy (RTA)	Orleans (RTA)	1,058.5			1,058.5						
Chương trình Tà vẹt đường rầy ở Riverfront (RTA)	Orleans (RTA)	2,627.2			2,627.2						Sửa đổi theo Hướng dẫn 4/27/2009
Thiết bị Thông tin	Orleans (RTA)	358.0	358.0								Sửa đổi theo Hướng dẫn 4/27/2009
Máy Bán Vé	Orleans (RTA)	422.0	422.0								Sửa đổi theo Hướng dẫn 4/27/2009

Tài Khóa 2009 Giao Thông TIP

Đề án	Phường	Tổng số Tồn phí	Đoạn 5307*	Đoạn 5309 (Tùy nghi)#	Đoạn 5309 (Thay đổi Đường rầy)	Đoạn 5310	Đoạn 5311	Đoạn 5316*	Đoạn 5317*	Tương ứng của Địa	Bình luận
Bảng hiệu Xe buýt	Orleans (RTA)	120.0	120.0								Sửa đổi theo Hướng dẫn 4/27/2009
Cải tiến Giao thông - Trạm trú Xe buýt	Orleans (RTA)	90.0	90.0								Cải tiến Bộ hành Tiếp cận với Trạm Giao thông, Williams & Vets; I-10 @ Williams
Cải tiến Tiếp cận Giao thông ở Kenner (09)	Orleans (RTA)	160.0	160.0								Cải tiến Bộ hành Tiếp cận với Trạm Giao thông, Williams & Vets; I-10 @ Williams
Tổng số Tài Khóa09 - RTA		14,984.8	11,299.1								TỔNG SỐ PHÂN BỔ TÀI KHÓA 09 - RTA
Máy Bán Vé (08)	Orleans (RTA)	100.0	100.0								Quỹ Tài Khóa 08 được Mang sang
Hoạch định Trợ giúp Điều hành-Đường vòng Kenner (08)	Orleans (RTA)	100.0	100.0								Quỹ Tài Khóa 08 được Mang sang từ Ngân khoản Hoạch định của Tài khóa 08 TIP
TỔNG SỐ CHO NEW ORLEANS		**15,721.3**	**11,499.1**	**536.5**	**3,685.7**	**0.0**		**0.0**		**0.0**	
Trợ giúp Điều hành (Tài khoản cho biểu Tài Khóa 09)	St. Bernard	350.0	350.0							0.0	Trợ giúp Điều hành và Miễn tiền tương xứng dựa theo Đoạn 7025 của PL 109-234
Bảo trì Phòng bị	St. Bernard	50	50								Miễn tiền Tương xứng Địa phương dựa theo Đoạn 7025 của PL 109-234
Cải tiến Tiện nghi Giao cách	St. Bernard	225.7		225.7							LA-E2009-BUSP-407 #283, Miễn tiền tương xứng dựa theo Đoạn 7025 của PL 109-234
TỔNG SỐ CHO ST.BERNARD		**625.7**	**400.0**	**225.7**						**0.0**	
Bảo trì Phòng bị Phà Belle Chasse (Tài Khóa 08)	Plaq	100.0	100.0								Chờ đợi FTA chấp thuận Cơ quan Nhận , quỹ Tài Khóa 08 không bó buộc
Bảo trì Phòng bị Phà Belle Cahsse (Tài Khóa 09)	Plaq	235.0	235.0								Chờ đợi FTA chấp thuận Cơ quan Nhận
Giao thông Ngoại ô (Tài Khóa 09)	Plaq	253.0					253.0			0.0	Giao thông Ngoại ô, 100% dựa theo Đoạn 7025
TỔNG SỐ CHO PLAQUEMINES		**588.0**	**335.0**				**253.0**			**0.0**	
Giao thông Phường Sông-Trợ giúp Điều hành (Tài Khóa 09)	STC/STJ	100.0	100.0								Điều kiện Điều hành và Miễn tiền tương xứng Địa phương dựa theo Đoạn 7025 của PL 109-234
Giao thông Phường Sông-Trợ giúp Điều hành (Tài Khóa 09)	STC/STJ	245.0	245.0								Miễn tiền tương xứng Địa phương dựa theo Đoạn 7025 của PL 109-234
Giao thông Phường Sông-Trợ giúp Điều hành (Tài Khóa 09)	STC/STJ	301.0					301.0				Chờ đợi Trợ cấp Tài Khóa 09 bởi LaDOTD, 100% dựa theo Đoạn 7025
Giao thông xe buýt và Tiện nghi xe buýt ở Phường Sông	STC/STJ	225.7		225.7						0.0	LA-E2009-BUSP-402, #310
Giao thông xe buýt và Tiện nghi xe buýt ở Phường Sông	STC/STJ	220.0		220.0						0.0	LA-E2009-BUSP-402, #310
TỔNG SỐ CHO ST. CHARLES/ST.JOHN	**STC/STJ**	**1,091.7**	**345.0**	**445.7**			**301.0**			**0.0**	
TỔNG SỐ CHO VÙNG TRONG TÀI KHÓA 2009		**27,863.7**	**18,967.3**	**198.0**	**3,685.7**	**80.0**	**554.0**	**2,120.3**	**930.6**	**0.0**	

*Dựa theo Số lượng Ước định theo năm dựa theo Thông báo Đăng ký Liên bang ngày 18 tháng 12, 2008

**Tiền Đáp ứng Địa phương được miễn dựa theo Đoạn 7025 của PL109-234

#Không có Tài khoản Tùy Ý nào của Đoạn 5309 được Dành riêng dựa theo Thông báo Đăng ký Liên bang

NHỮNG ĐỀ ÁN KÍCH THÍCH-Tài Khóa 09 MÀ THÔI

Đề án	Phường	Số lượng* ARRA	Bình luận
Sửa Cầu đi Xe, Bến Chalmette	DOTD	2,765.0	Phà CCCD, với việc dành riêng của Tài Khóa 09 5307
Tổng số		**2,765.0**	
Bảo trì Phòng bị - Cải tiến Lớn cho Tiện nghi của JeT	Jefferson	3,000.0	
Tái xây máy và Hộp số	Jefferson	79.2	
Thay Hệ thống Rửa xe buýt (2)	Jefferson	250.0	
Quán, Tạm trú Xe buýt & Cải tiến Tiếp cận cho ADA	Jefferson	207.0	
4 Xe chở công cộng	Jefferson	220.0	
Mua 5 Xe buýt Đường cố định & Nâng cấp BRT	Jefferson	2,035.0	
Tổng số Jefferson		**5,791.2**	
Xe buýt có đoạn nối (5)	Orleans (RTA)	3,750.0	
Kỹ thuật Xe	Orleans (RTA)	885.0	Xe buýt có Giọng Loan Báo cho ADA và S?C, MDT cho Xe Chở Công Công
Nâng cấp Thiết bị ITS	Orleans (RTA)	351.4	
Dụng cụ & Thiết bị Sửa	Orleans (RTA)	1,041.1	
Những quán (TE)	Orleans (RTA)	153.0	
Trạm trú Giao thông (331) TE	Orleans (RTA)	2,647.0	
Sửa đường, Tiện nghi ENO	Orleans (RTA)	1,500.0	
Bảo trì Phòng bị	Orleans (RTA)	4,550.0	
Tổng số New Orleans (5307)		**14,877.5**	
Thay Vòng kẹp Bố thắng-St. Chas. S/C	Orleans (RTA)	80.0	
Thay Tà vẹt St. Charles	Orleans (RTA)	2,345.3	
Tổng số New Orleans (5309)		**2,425.3**	Theo Bản 6 của 3/5/2009 Thông Báo Đăng Ký Liên bang
Tổng số New Orleans 5307 & 5309		**17,302.8**	
Bảo trì Phòng bị	St. Bernard	50.0	
Radiô/Thiết bị Truyền thông	St. Bernard	63.5	
Nâng cấp và Sửa Tiện nghi	St. Bernard	300.0	
Hệ thống Rửa xe buýt Tự động	St. Bernard	192.0	
Thiết bị Vi tính	St. Bernard	4.5	
Hàng rào An ninh cho Trung tâm SBURT OPS	St. Bernard	50.0	
Tổng số St. Bernard		**660.0**	
Bảo trì Phòng bị Phà Belle Chasse (Tài Khóa 09)	Plaq	300.0	Chờ đợi Chấp thuận của FTA cho Cơ quan Hưởng
Tổng số Plaquemines		**300.0**	
Giao thông Phường Sông- Bảo trì Phòng bị	STC/STJ	200.0	
Giao thông Phường sông- Mua xe buýt & Thiết bị liên hệ	STC/STJ	100.0	
Tổng số St. Charles/St. John	**STC/STJ**	**300.0**	
Tổng số Vùng cho Tài Khóa 2009		**24,693.7**	

*Theo Hướng dẫn ARRA, tất cả những đề án 100% tài trợ liên bang, không có tương xứng của địa phương

Tổng cộng có sẵn: $24,694,244

Đề án	Phường	Tổng số Tổn phí	Đoạn 5307	Đoạn 5309 (Tùy nghi)	Đoạn 5309 (Sửa đổi Đường rầy)	Đoạn 5310	Đoạn 5311	Đoạn 5316/ 3037	Đoạn 5317	Tổng số Liên bang	Tiền Tương xứng Địa	Bình luận
Xe van cho Người già và Tàn tật	Toàn vùng	250.0				200.0				200.0	50.0	Chờ đợi được ban bởi LaDOTD
Xe buýt & Tiện nghi Xe buýt	RPC	125.4		100.3						100.3	25.1	Tiền hồi quy bởi SAFETEA-LU
JARC trong Vùng	Vùng	515.6						412.5		412.5	103.1	Tiền Chỉ định Tài khóa 10
Tự Do Mới trong Vùng	Vùng	265.6							212.5	212.5	53.1	Tiền Chỉ định Tài khóa 10
Bảo trì Phòng bị CCCD	DOTD	750.0	600.0							600.0	150.0	Phà CCCD
CCCD Thay cầu chạy xe ở Chalmette**	DOTD	3,375.0		2,700.0						2,700.0	675.0	Đề án Dự trù, khi có Quỹ Tài trợ với FHWA FBD (Q95)
Tổng số		**5,281.6**	**600.0**	**2,800.3**	**0.0**	**200.0**	**0.0**	**412.5**	**212.5**	**4,225.3**	**1,056.3**	
Dụng cụ Bảo trì	Jefferson	25.0	20.0							20.0	5.0	
Xe Giao thông Công cộng (83/17)	Jefferson	208.8		173.3						173.3	35.5	Yêu cầu Tài khóa 07 5309-Chờ sự Chấp thuậ
Thay Xe chạy Đường cố định	Jefferson	6,758.8		5,407.0						5,407.0	1,351.8	Yêu cầu Tài khóa 07 5309-Chờ sự Chấp thuậ
Trạm Cuối Xe buýt	Jefferson	1,062.5		850.0						850.0	212.5	Yêu cầu Tài khóa 07 5309-Chờ sự Chấp thuậ
Mày quay Phim An ninh	Jefferson	237.5		190.0						190.0	47.5	Yêu cầu Tài khóa 07 5309-Chờ sự Chấp thuậ
Cải tiến Tiện nghi Bảo trì	Jefferson	250.0		200.0						200.0	50.0	Yêu cầu Tài khóa 07 5309-Chờ sự Chấp thuậ
Dụng cụ Văn phòng/Máy vi tính	Jefferson	20.0	16.0							16.0	4.0	
Tiện nghi Trạm xe buýt	Jefferson	5.0	4.0							4.0	1.0	
Bảo trì Phòng bị (Quỹ Tài khóa 10)	Jefferson	3,125.0	2,500.0							2,500.0	625.0	Dự trù tiền Chỉ định Tài khóa 10 5307
Hoạch định	Jefferson	225.0	180.0							180.0	45.0	
Tổng số Jefferson		**11,917.5**	**2,720.0**	**6,820.3**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**9,540.3**	**2,377.2**	
Trung tâm Liên cách Ven sông (Tài khó	Orleans	125.4		100.3						100.3	25.1	Tiền Hồi quy SAFETEA-LU
NOUPT (Tài khóa 10)	Orleans	250.8		200.6						200.6	50.2	Tiền Hồi quy SAFETEA-LU
Bảo trì Phòng bị - Đường rầy	Orleans	4,609.8			3,687.8					3687.8	922.0	
Nâng cấp Giao thông	Orleans	81.3	65.0							65.0	16.3	
An ninh Giao thông	Orleans	81.3	65.0							65.0	16.3	
Nghiên cứu Hoạch định	Orleans	100.0	80.0							80.0	20.0	
Nghiên cứu Hoạch định	Orleans	100.0	80.0							80.0	20.0	
Bảo trì Phòng bị (Quỹ Tài khóa 10)	Orleans	8,125.0	6,500.0							6500.0	1,625.0	Dự trù tiền Chỉ định Tài khóa 10 5307
Tổng số Orleans		**13,473.4**	**6,790.0**	**300.9**	**3,687.8**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**10,778.7**	**2,694.7**	
Bảo trì Phòng bị (Tài khóa 10)	St. Bernard	187.5	150.0							150.0	37.5	Dự trù tiền Chỉ định Tài khóa 10 5307
Dụng cụ An ninh	St. Bernard	50.0	40.0							40.0	10.0	
Tổng số St. Bernard		**237.5**	**190.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**190.0**	**47.5**	
Giao thông Ngoại ô	Plaquemines	252.0					252.0			252.0	252.0	
Tổng số Plaquemines		**252.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**252.0**	**0.0**	**0.0**	**252.0**		
Giao thông Phường Sông-Vốn (Tài khó	STC/STJ	96.5	70.0							70.0	26.5	
Giao thông Phường Sông-Xe buýt và Tiện nghi Xe buýt (Tài khóa 10)	STC/STJ	250.8		200.6						200.6	50.2	Tiền Hồi quy SAFETEA-LU

Đề án	Phường	Tổng số Tổn phí	Đoạn 5307	Đoạn 5309 (Tùy nghi)	Đoạn 5309 (Sửa đổi Đường rầy)	Đoạn 5310	Đoạn 5311	Đoạn 5316/ 3037	Đoạn 5317	Tổng số Liên bang	Tiền Tương xứng Địa	Bình luận
Giao thông Phường Sông-Xe buýt và Tiện nghi xe buýt (Tài khóa 10)	STC/STJ	225.0		180.0						180.0	45.0	Tiền Hồi quy SAFETEA-LU
Giao thông Phường Sông-Điều hành Ngoại ô (Tài khóa 10) (50/50)	STC/STJ	470.0						235.0		235.0	235.0	
Giao thông Phường Sông-Vốn Ngoại ô (Tài khóa 10)(80/20)	STC/STJ	250.0						200.0		200.0	50.0	
		1,292.3	**70.0**	**380.6**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**435.0**	**0.0**	**885.6**	**406.7**	
Tổn số cho Vùng Tài khóa 2010		**32,454.3**	**10,370.0**	**10,302.1**	**3,687.8**	**200.0**	**252.0**	**847.5**	**212.5**	**25,871.9**	**6,582.4**	

**Đề án Dự trù, sẽ thực hiện khi có quỹ tài trợ

Đề án	Phường	Tổng số Tốn phí	Đoạn 5307	Đoạn 5309 (Tùy nghi)	Đoạn 5309 (Sửa đổi Đường rầy)	Đoạn 5310	Đoạn 5311	Đoạn 5316/3037	Đoạn 5317	Tổng số Liên bang	Tiền Tương xứng Địa phương	Bình luận
Xe van cho Người già và Tàn tật	Toàn vùng	250.0				200.0				200.0	50.0	Chờ đợi được ban bởi LaDOTD
JARC trong Vùng	Vùng	515.6						412.5		412.5	103.1	Tiền chỉ định Tài khóa 11
Tự do Mới trong Vùng	Vùng	265.6							212.5	212.5	53.1	Tiền chỉ định Tài khóa 11
Bảo trì Phòng bị	DOTD	750.0	600.0							600.0	150.0	Phà CCCD
TỔNG SỐ		**1,781.3**	**600.0**	**0.0**	**0.0**	**200.0**	**0.0**	**412.5**	**212.5**	**1,425.0**	**356.3**	
Dụng cụ Bảo trì	Jefferson	25.0	20.0							20.0	5.0	
Xe Giao thông công cộng (83/17)	Jefferson	208.8		173.3						173.3	35.5	Yêu cầu Tài khóa 11 5309-chờ sự Chấp thuận
Thay Xe chạy Đường Cố định	Jefferson	6,758.8		5,407.0						5,407.0	1,351.8	Yêu cầu Tài khóa 11 5309-chờ sự Chấp thuận
Trạm Cuối Xe buýt	Jefferson	1,062.5		850.0						850.0	212.5	Yêu cầu Tài khóa 11 5309-chờ sự Chấp thuận
Máy quay Phim An ninh	Jefferson	237.5		190.0						190.0	47.5	Yêu cầu Tài khóa 11 5309-chờ sự Chấp thuận
Cải tiến Tiện nghi Bảo trì	Jefferson	250.0		200.0						200.0	50.0	Yêu cầu Tài khóa 11 5309-chờ sự Chấp thuận
Dụng cụ Văn phòng/Máy Vi tính	Jefferson	20.0	16.0							16.0	4.0	
Tiện nghi Trạm xe buýt	Jefferson	5.0	4.0							4.0	1.0	
Bảo trì Phòng bị (Quỹ Tài khóa 11)	Jefferson	3,125.0	2,500.0							2,500.0	625.0	Dự trù Tiền chỉ định Tài khóa 11 530
Hoạch định	Jefferson	225.0	180.0							180.0	45.0	
Tổng số Jefferson		**11,917.5**	**2,720.0**	**6,820.3**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**9,540.3**	**2,377.2**	
Bảo trì Phòng bị - Đường rầy	Orleans	3,125.0			2,500.0					2500.0	625.0	
Nâng cấp Giao thông	Orleans	125.0	100.0							100.0	25.0	
An ninh Giao thông	Orleans	125.0	100.0							100.0	25.0	
Bảo trì Phòng bị (Quỹ Tài khóa 11)	Orleans	8,125.0	6,500.0							6500.0	1,625.0	Dự trù Tiền chỉ định Tài khóa 11 530
Tổng số Orleans		**11,500.0**	**6,700.0**	**0.0**	**2,500.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**9,200.0**	**2,300.0**	
Bảo trì Phòng bị (Tài khóa 11)	St. Bernard	187.5	150.0							150.0	37.5	Dự trù Tiền chỉ định Tài khóa 11 530
Dụng cụ An ninh)	St. Bernard	50.0	40.0							40.0	10.0	
Tổng số St. Bernard		**237.5**	**190.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**190.0**	**47.5**	
Giao thông Ngoại ô	Plaquemines	252.0					252.0			252.0	252.0	
Tổng số Plaquemines		**252.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**252.0**	**0.0**	**0.0**	**252.0**		
Giao thông Phường Sông - Vốn (Tài khóa 1	STC/STJ	96.5	70.0							70.0	26.5	
Giao Thông Phường Sông - Điều hành Ngoại ô (Tài khóa 11) (50/50)	STC/STJ	470.0						235.0		235.0	235.0	
Giao thông Phường Sông - Vốn Ngoại ô (Tài khóa 11) (80/20)	STC/STJ	250.0						200.0		200.0	50.0	
		816.5	**70.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**435.0**	**0.0**	**505.0**	**311.5**	
Tổng số cho Vùng Tài khóa 2011		**26,504.8**	**10,280.0**	**6,820.3**	**2,500.0**	**200.0**	**252.0**	**847.5**	**212.5**	**21,112.3**	**5,392.5**	

Đề Án	Phường	Tổng số Tổn phí	Đoạn 5307*	Đoạn 5309 (Tùy nghi)	Đoạn 5309 (Bắt đầu Nhỏ)	Đoạn 5309 (Sửa đổi Đường rầy)	Đoạn 5310*	Đoạn 5311*	Đoạn 5316*	Đoạn 5317*	Tổng số	Tiền Tương xứng Địa phương	Bình luận
Xe van tiếp cận	Toàn Vùng	1,500.0					1,200.0				1,200.0	300.0	LaDOTD
JARC	Toàn Vùng	6,600.0								5,280.0	5,280.0	1,320.0	
Tự do Mới	Toàn Vùng	2,900.0							2,320.0		2,320.0	580.0	
Bảo trì Phòng bị	DOTD	6,250.0	5,000.0								5,000.0	1,250.0	Phà CCCD
TỔNG SỐ		**17,250.0**	**5,000.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**1,200.0**	**0.0**	**2,320.0**	**5,280.0**	**13,800.0**	**3,450.0**	
Xây Trạm Chuyển xe	Jefferson	875.0		700.0							700.0	175.0	Đường đắp cao ở Xa lộ Jefferson
Xây Trạm Eastbank**	Jefferson	3,750.0		3,000.0							3,000.0	750.0	
Dụng cụ Vốn	Jefferson	13,750.0	11,000.0								11,000.0	2,750.0	
Hoạch định	Jefferson	1,875.0	1,500.0								1,500.0	375.0	
Bảo trì Phòng bị	Jefferson	15,000.0	12,000.0								12,000.0	3,000.0	Dự trù Tiền chỉ định cho Tài Khóa 10 5307
TỔNG SỐ CHO JEFFERSON		**35,250.0**	**24,500.0**	**3,700.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**28,200.0**	**7,050.0**	
Những tiện nghi Chuyển xe (3) ***	Orleans	3,750.0		3,000.0							3,000.0	750.0	Gentilly ở Elysian Fields, Công viên Palmer, Louisa ở Chef Menteur
Nối đường Xe điện (Đường nối Ven sông)***	Orleans	25,000.0			20,000.0						20,000.0	5,000.0	Thượng lưu sông tới Jackson, Hạ lưu sông tới Poland Ave.
Nối đường xe điện (Nối từ Canal tới NOUPT)***	Orleans	26,250.0			21,000.0						21,000.0	5,250.0	Từ Canal đi qua Loyola
Đường vòng # của xe điện Desire	Orleans	67,500.0			54,000.0						54,000.0	13,500.0	Canal tới Elysian Fields đi qua St. Claude, Elysian tới Riverfront

Đề Án	Phường	Tổng số Tổn phí	Đoạn 5307*	Đoạn 5309 (Tùy nghi)	Đoạn 5309 (Bắt đầu Nhỏ)	Đoạn 5309 (Sửa đổi Đường rầy)	Đoạn 5310*	Đoạn 5311*	Đoạn 5316*	Đoạn 5317*	Tổng số	Tiền Tương xứng Địa phương	Bình luận
Bảo trì phòng bị/Tiện nghi Nâng cấp đường rầy	Orleans	41,812.5				33,450.0					33,450.0	8,362.5	
Bảo trì phòng bị	Orleans	41,062.5	32,850.0								32,850.0	8,212.5	
Nâng cấp giao thông	Orleans	1,375.0	1,100.0								1,100.0	275.0	
An ninh Giao thông	Orleans	1,375.0	1,100.0								1,100.0	275.0	
Dụng cụ vốn	Orleans	41,250.0	33,000.0								33,000.0	8,250.0	Dự trù Tiền chỉ định cho Tài Khóa 10 5307
TỔNG SỐ CHO ORLEANS		**249,375.0**	**68,050.0**	**3,000.0**	**95,000.0**	**33,450.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**199,500.0**	**49,875.0**	
Dụng cụ vốn	St. Bernard	2,187.5	1,750.0								1,750.0	437.5	
TỔNG SỐ CHO ST. BERNARD		**2,187.5**	**1,750.0**								**1,750.0**	**437.5**	
Rural Transit	Plaquemines	4,060.0						2,030.0			2,030.0	2,030.0	
TỔNG SỐ CHO PLAQUEMINES		**203.0**						**203.0**			**2,030.0**	2,030.0	
Giao thông phường Sông - Vốn	STC/STJ	875.0	700.0								700.0	175.0	
Giao thông phường Sông - Điều hành Ngoại ô	STC/STJ	4,700.0						2,350.0			2,350.0	2,350.0	
Giao thông Phường Sông - Vốn Ngoại ô	STC/STJ	2,500.0						2,000.0			2,000.0	500.0	
		8,075.0	700.0	0.0	0.0	0.0	0.0	4,350.0	0.0	0.0	5,050.0	3,025.0	
TỔNG SỐ CHO VÙNG	**CẤP 2**	**312,340.5**	**100,000.0**	**6,700.0**	**95,000.0**	**33,450.0**	**1,200.0**	**4,553.0**	**2,320.0**	**5,280.0**	**250,330.0**	**65,867.5**	

Những Đề án cho Đường bị Ngập

ID	Nhóm	Đường	Giới hạn	Feet	Mi.	Ước định Tổn phí
1	1	Marconi Blvd.	Robt. E. Lee tới NS RR	9,034	1.71	$3,984,352.35
2		Crowder Rd.	Dwyer tới US 90	3,680	0.70	
3		Whitney/LB Landry	Mardi Gras tới Patterson	8,606	1.63	
4	2	Harrison Ave.	Khúc Cuối Tây tới Kênh Orleans	4,639	0.88	$3,480,681.82
5		Harrison Ave.	Marconi - Wisner	4,550	0.86	
6	3	Robert E. Lee Blvd.	St. Bernard tới Paris	1,970	0.37	$7,062,888.95
7		Press St.	US 90 tới Robt. E. Lee	7,280	1.38	
8		Wisner	Robert E. Lee tới Esplanade	13,728	2.60	
9	4	Live Oak Blvd.	US 90 tới Willswood	3,327	0.63	$2,498,863.64
10		Lake Avenue	Xa lộ Old Hammond tới W. Esplanade Ave	2,490	0.47	
11		Xa lộ Old Hammond	17th St. Canal tới Carrollton	780	0.15	
12	5	Veterans Blvd.	Pontchartrain Dr. tới Kênh 17th St.	1,880	0.36	$4,555,227.25
13		Pontchartrain Blvd.	Robert E. Lee tới Veterans	7,191	1.36	
14		Canal Blvd.	Harrison tới Robt. E. Lee	5,427	1.03	
15	6	Filmore Ave.	St. Bernard tới Elysian Fields	6,930	1.31	$14,417,803.03
16		St. Bernard Ave.	I-610 tới Robt. E. Lee	10,561	2.00	
17		Leon C. Simon Dr.	Kênh London Ave. tới Elysian Fields	2,850	0.54	
18		Mirabeau Ave.	St. Bernard tới Elysian Fields	3,540	0.67	
19		Paris Ave.	I-610 tới Mirabeau	2,872	0.54	
20		Elysian Fields Ave.	Lakeshore Drive tới US 90	11,310	2.14	
21	7	Patricia St.	Jean Lafitte tới Cougar	2,091	0.40	$4,068,560.61
23		Jean Lafitte	LA 46 to Florida Walk Canal	8,650	1.64	
24	8	Poydras	Claiborne tới Broad	2,450	0.46	$4,798,484.85
25		Martin Luther King Bl	Claiborne tới Broad	3,828	0.73	
27		Washington	Nam Broad St. tới nam Carrollton Ave.	6,390	1.21	
28	9	Franklin Ave.	I-610 tới LA 46	8,591	1.63	$15,485,984.85
29		Downman Rd.	Hayne Blvd. tới US 90	8,610	1.63	

ID	Nhóm	Đường	Giới hạn	Feet	Mi.	Ước định Tổn phí
30		Almonaster Rd.	Jourdan tới Read	17,610	3.34	
31		Alvar St./ Poland Ave	St. Claude tới Florida Avenue	6,072	1.15	
32		Poydras St.	Carondelet tới Camp	843	0.16	
33		LaSalle St.	Poydras tới (Tulane Ave.) US 61	1,500	0.28	
34		Gravier St.	Loyola tới Nam Peters	3,237	0.61	
35		Common St.	Loyola tới Nam Peters	3,158	0.60	
36		Girod St.	Loyola tới Nam Peters	3,416	0.65	
37	10	Magazine St.	Canal St. tới US 90	4,013	0.76	$12,171,969.70
38		Camp St.	Canal St. tới US 90	4,321	0.82	
39		St.Charles Ave.	Canal St. tới US 90	4,339	0.82	
40		Carondolet St.	Canal St. tới US 90	2,167	0.41	
41		Loyola Ave.	Canal St. tới US 90	4,290	0.81	
42		Poydras St.	LaSalle tới Loyola	850	0.16	
43		Orleans Ave.	Bắc Claiborne tới City Park Ave.	11,670	2.21	
44	11	Miro St.	Elysian Fields tới Orleans	8,579	1.62	$11,740,909.09
46		N. Galvez St.	Orleans tới Poydras	8,239	1.56	
47		Navarre Ave.	Canal Blvd tới Marconi	2,508	0.48	
48	12	Carrollton Ave.	I-10 tới Claiborne (US 90)	5,800	1.10	$2,094,000.00
49		Carrollton Ave.	Claiborne (US 90) tới St. Charles Ave	6,356	1.20	$2,510,000.00
50	13	St. Charles Ave.	Nashville tới S. Carrollton	7,212	1.37	$2,731,818.18
51	14	Louisiana	St. Charles tới Magazine	2,060	0.39	$780,303.03
52	15	Magazine St.	US 90B tới Nashville	18,891	3.58	$7,155,681.82
53	16	Nashville	Claiborne (US 90) tới Tchoupitoulas	8,453	1.60	$3,201,893.94
56		Mehle	LA 46 tới LA 39	1,735	0.33	
57		Norton	LA 46 tới LA 39	2,270	0.43	
58	17	Cougar	Benjamin tới Genet	2,528	0.48	$4,754,924.24
59		Paris Rd.	LA 46 tới Trạm Phà	2,190	0.41	
60		E. Genie	Golden tới Palmisano	2,125	0.40	
61		Packenham	Derbigny tới Genie	1,705	0.32	
			Tổng số Giai đoạn A	**301,392**	**57.08**	**$107,494,347.34**

Việc soạn thảo tài liệu này được tài trợ một phần bởi những tài khoản cho biếu bởi Bộ Chuyển vận Liên bang, cơ quan Quản trị Xa lộ Liên bang chiếu theo Đạo Luật Công Bằng Chuyển vận An Toàn, Khả Trách, Linh động, Hữu hiệu, một Di sản cho Người dùng (SAFETEA-LU; P.L. 109-59).